

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI
THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG
Số: 21 /KL-ĐNA.TTGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đồng Nai, ngày 04 tháng 10 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Quỹ tín dụng nhân dân Thiên Thành

Thực hiện Quyết định số 22/QĐ-ĐNA.TTGS ngày 22/7/2024 của Chánh thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai về việc thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân Thiên Thành (QTDND Thiên Thành);

Xét Báo cáo kết quả thanh tra QTDND Thiên Thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai kết luận thanh tra như sau:

PHẦN I

KHÁI QUÁT CHUNG

1. Cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động

QTDND Thiên Thành được thành lập theo Quyết định số 141/QĐ-ĐNA.6 ngày 03/10/2011 về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động của QTDND Thiên Thành và Giấy phép thành lập và hoạt động số 039/GP-NHNN ngày 03/10/2011 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Đăng ký kinh doanh số 3602637095 do Sở Kế hoạch và đầu tư Đồng Nai cấp ngày 24/10/2011, thay đổi lần thứ 03 ngày 07/3/2023. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Phượng – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ III (2019-2023);

Đến ngày 02/7/2024, QTDND Thiên Thành đã gửi NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai thông báo danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và thành viên khác của HĐQT, Trưởng ban và thành viên khác của BKS, Giám đốc của QTDND Thiên Thành thông qua Đại hội đại biểu thành viên nhiệm kỳ IV. Đến thời điểm thanh tra, NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai đã có thông báo số 816/ĐNA.TTGS ngày 31/7/2024 về việc chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật đối với QTDND Thiên Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 28/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 gửi Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc Tuấn – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2024-2029).

Địa bàn hoạt động: 03 phường thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai gồm phường An Bình, phường Bình Đa, phường Long Bình Tân.

Tình hình nhân sự nhiệm kỳ IV (2024-2029): Đến thời điểm 30/6/2024, QTDND Thiên Thành có tổng số 11 người làm việc tại Quỹ. Cơ cấu tổ chức tại thời điểm thanh tra như sau:

- Hội đồng quản trị (HĐQT): 03 người gồm Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ bán chuyên trách (ông Trần Quốc Tuấn); 02 thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách (ông Tạ Văn Quang và bà Trương Thị Phụng).

- Ban kiểm soát (BKS): 03 người gồm Trưởng BKS (bà Đoàn Thị Hóa) làm việc theo chế độ chuyên trách, 01 kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách (bà Bùi Thị Thanh Huyền) và 01 kiểm soát viên làm việc theo chế độ bán chuyên trách (bà Hồ Thị Quỳnh Hoa).

- Ban điều hành: 01 Giám đốc (ông Tạ Văn Quang – Thành viên HĐQT).

- Các bộ phận chuyên môn: Kế toán (01 người), Tín dụng (02 người), Kho quỹ (01 người), bảo vệ (01 người).

Về trình độ chuyên môn: Đại học: 07 người, Trung cấp: 03 người; Chưa qua đào tạo: 01 người và 10 người đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ QTDND.

2. Tình hình hoạt động

2.1. Về nguồn vốn hoạt động

- Vốn và các quỹ thời điểm 30/6/2024 đạt 3.030 triệu đồng, chiếm 15,40% tổng nguồn vốn; giảm 47 triệu đồng (tỷ lệ giảm 1,58%) so với 31/12/2023 và giảm 92 triệu đồng (tỷ lệ giảm 3,13%) so với thời điểm 31/12/2022. Vốn điều lệ đến ngày 30/6/2024 là 2.150 triệu đồng, không thay đổi trong thời điểm thanh tra gồm vốn điều lệ hình thành từ vốn góp 1.981,05 triệu đồng (637 thành viên), chiếm 92,14%/vốn điều lệ, vốn điều lệ được hình thành từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 168,95 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 7,86%/vốn điều lệ.

- Vốn huy động: Thời điểm 30/6/2024 là 15.825 triệu đồng, giảm 471 triệu đồng (#2,89%) so với 31/12/2023; tăng 698 triệu đồng (#4,62%) so với 31/12/2022; tăng 4.081 triệu đồng (#34,75%) so với 31/12/2021 và tăng 3.927 triệu đồng (#33,01%) so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn đạt 15.816 triệu đồng, chiếm 99,94% tổng vốn huy động.

- Vay Ngân hàng Hợp tác xã (NHHTX): Tại thời điểm 30/6/2024 Quỹ không sử dụng nguồn tiền vay từ NHHTX.

- Gửi NHHTX: Tại thời điểm 30/6/2024, số dư tiền gửi của QTDND Thiên Thành tại NHHTX Chi nhánh Đồng Nai là 6.667 triệu đồng, cụ thể:

- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 272/2018/HĐTG/NHHTĐN ngày 30/5/2018. Số tiền: 1.000 triệu đồng. Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 30/5/2018 đến ngày 30/5/2019). Lãi suất: 6,7%/năm. Phụ lục Hợp đồng tiền gửi số 330/2020/PLHĐ ngày 30/5/2020, lãi suất được áp dụng 6,47%/năm. Phụ lục Hợp đồng tiền gửi số 129/2021/PLHĐ ngày 30/5/2021, lãi suất được áp dụng 5,61%/năm. Số dư do lãi nhập gốc: 1.212,36 triệu đồng. Từ ngày 30/05/2022 đến ngày 30/05/2023 lãi suất áp dụng 4,7%/năm. Số dư do lãi nhập gốc: 1.280 triệu

đồng. Từ ngày 30/5/2023 đến ngày 30/5/2024 lãi suất áp dụng 6.9%/năm, số dư do lãi nhập gốc: 1341 triệu đồng. Từ ngày 30/5/2024 đến ngày 30/05/2025 lãi suất áp dụng 4.5%/năm, số dư do lãi nhập gốc: 1.433 triệu đồng.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 379/2020/HĐTĐ/NHHTĐN ngày 02/7/2020. Số tiền: 500 triệu đồng. Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 02/7/2020 đến ngày 02/7/2021). Lãi suất: 6,47%/năm. Phụ lục Hợp đồng tiền gửi số 266/2021/PLHĐ ngày 02/7/2021, lãi suất được áp dụng 5,41%/năm. Số dư do lãi nhập gốc: 532,35 triệu đồng. Gia hạn từ ngày 02/07/2022 đến ngày 02/07/2023 lãi suất áp dụng 4,7%/ năm số dư lãi nhập gốc 561 triệu đồng. Gia hạn từ ngày 02/7/2023 đến ngày 02/7/2024, lãi suất áp dụng 6,1%/năm, số dư lãi nhập gốc: 589 triệu đồng.

+ Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 7500000074481012 gửi ngày 12/05/2022 số tiền 500 triệu đồng, lãi suất 5,61%/ năm thời hạn 12 tháng (từ ngày 12/05/2022 đến ngày 12/05/2023). Gia hạn từ ngày 12/5/2023 đến ngày 12/5/2024. Lãi suất áp dụng 7,2%/ năm số dư lãi nhập gốc 524 triệu đồng. Gia hạn từ ngày 12/5/2024 đến ngày 12/5/2025, lãi suất áp dụng 4,5%/năm, số dư lãi nhập gốc: 561 triệu đồng.

+ Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 7500010075845012 gửi ngày 30/6/2022 số tiền 1.400 triệu đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/6/2023) lãi suất 4.7%/năm. Gia hạn từ ngày 30/6/2023 đến ngày 30/6/2024, lãi suất áp dụng 6,1%/năm số dư lãi nhập gốc 1.466 triệu đồng.

+ Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 7500010075845012 gửi ngày 31/8/2022 số tiền 1.000 triệu đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 31/08/2022 đến ngày 31/8/2023) lãi suất 4.9%/năm. Gia hạn từ ngày 31/8/2023 đến ngày 31/8/2024, lãi suất áp dụng 5,4%/năm, số dư lãi nhập gốc 1.049 triệu đồng.

+ Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 7500010120805012 mở ngày 04/6/2024 số tiền 1.000 triệu đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 04/6/2024 đến ngày 04/6/2025) lãi suất 4,55%/năm.

+ Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số 7500010117806012 mở ngày 22/06/2024 số tiền 500 triệu đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 22/6/2024 đến ngày 22/6/2025) lãi suất 4,55%/năm.

+ Tài khoản tiền gửi thanh toán 7500000001313012 mở ngày 26/9/2014 lãi suất 0,1%/năm. Số dư 69 triệu đồng.

2.2. Về sử dụng vốn

Dư nợ đến 30/6/2024 đạt 11.283 triệu đồng, giảm 4.420 triệu đồng (#28,15%) so với 31/12/2023; giảm 2.846 triệu đồng (#20,14%) so với 31/12/2022 và tăng 2.843 triệu đồng (#33,68%) so với 31/12/2021.

2.3. Kết quả kinh doanh

Đến tháng 6/2024 thu nhập lớn hơn chi phí là 70,97 triệu đồng; Năm 2023 lợi nhuận sau thuế là 116,97 triệu đồng; Năm 2022 lợi nhuận sau thuế là 109,29 triệu đồng; Năm 2021 lợi nhuận sau thuế là 96,80 triệu đồng.

PHẦN II

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Thanh tra hoạt động quản trị, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

1.1. Tổ chức và hoạt động của HĐQT

1.1.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu HĐQT

+ HĐQT QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ III (2019-2023), gồm có 03 thành viên (bà Trương Thị Phụng – Chủ tịch HĐQT, ông Lê Hồng Quảng – Thành viên HĐQT và ông Trần Quốc Tuấn – Thành viên HĐQT) do Đại hội thành viên bầu theo danh sách được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu HĐQT tại Công văn số 663/ĐNA-TTGS ngày 04/6/2019; 03/03 thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 (Thông tư 04) và khoản 9 Điều 2 Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 (Thông tư 21) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 04. Nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong điều lệ ít nhất 02 năm và không quá 05 năm phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật các TCTD năm 2010.

+ HĐQT QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ IV (2024-2029), gồm có 03 thành viên (ông Trần Quốc Tuấn – Chủ tịch HĐQT, ông Tạ Văn Quang – Thành viên HĐQT và bà Trương Thị Phụng – Thành viên HĐQT) do Đại hội thành viên bầu theo danh sách được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu HĐQT tại Công văn số 414/ĐNA-TTGS ngày 22/4/2024; 03/03 thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư 04 và khoản 9 Điều 2 Thông tư 21. Nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong điều lệ ít nhất 02 năm và không quá 05 năm phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật các TCTD năm 2010.

Nhân sự nhiệm kỳ III (2019-2023) kết thúc vào năm 2023 tuy nhiên đến tháng 03/2024 QTDND Thiên Thành mới hoàn tất thủ tục nhân sự dự kiến nhiệm kỳ IV, kéo dài thời gian nhiệm kỳ III quá 05 năm, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Các tổ chức tín dụng 2010: “3. *Nhiệm kỳ của HĐQT do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm*”. Qua thu thập báo cáo, văn bản, hồ sơ nhân sự của QTDND Thiên Thành gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai các thời điểm chuẩn bị nhân sự cho nhiệm kỳ IV và Bản giải trình của QTDND Thiên Thành ngày 12/8/2024 trong thời gian Đoàn thanh tra thanh tra tại quỹ, cho thấy nhiệm kỳ III của HĐQT kéo dài hơn 05 năm so với quy định là do nguyên nhân khách quan, với điều kiện và cơ chế hoạt động của QTDND còn khó khăn nên việc tìm kiếm, thu hút, lựa chọn nhân sự phù hợp, đủ điều kiện, tâm huyết và gắn bó lâu dài cũng gặp nhiều hạn chế. Trong năm 2022, 2023 QTDND Thiên Thành đã có kế hoạch chuẩn bị danh sách nhân sự dự kiến đủ điều kiện cho nhiệm kỳ IV tuy nhiên không có thành viên ứng tuyển và có nguyện vọng tham gia vào nhân sự quản trị, điều hành. Vì vậy đến ngày 25/12/2023, QTDND Thiên Thành mới gửi hồ sơ nhân sự dự kiến về NHNN Chi

nhánh tỉnh Đồng Nai theo Tờ trình của Chủ tịch QTDND Thiên Thành về việc chấp thuận nhân sự dự kiến QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ IV nhưng do hồ sơ chưa đáp ứng theo quy định, NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai đã có văn bản yêu cầu Quỹ bổ sung, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định (Văn bản số 57/ĐNA-TTGS ngày 16/01/2024 và Văn bản số 295/ĐNA-TTGS ngày 26/3/2024), việc bổ sung hồ sơ kéo dài do gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính tại các sở, ngành có liên quan. Đến tháng 04/2024, QTDND Thiên Thành mới hoàn thiện đầy đủ hồ sơ nhân sự đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn gửi NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận.

Trách nhiệm người có liên quan: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III: Bà Trương Thị Phương – Chủ tịch HĐQT; ông Lê Hồng Quảng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; ông Trần Quốc Tuấn – Thành viên HĐQT.

1.1.2. Về hoạt động của HĐQT:

Về tổ chức họp định kỳ: HĐQT có tổ chức họp định kỳ hàng tháng với thành phần tham dự theo quy định, nội dung các cuộc họp của HĐQT có ghi sổ họp, có chữ ký của các thành viên dự họp, các cuộc họp có đánh giá kết quả tháng trước và đề ra phương hướng hoạt động tháng sau, nội dung và kết luận cuộc họp được ghi thành biên bản, biên bản cuộc họp HĐQT có đủ chữ ký chủ tọa, các thành viên HĐQT tham dự họp và thư ký phiên họp theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ biên bản họp định kỳ hàng tháng/bất thường, HĐQT đã ban hành nghị quyết để Ban điều hành và các bộ phận liên quan triển khai thực hiện.

Về phân công nhiệm vụ của HĐQT: Chủ tịch HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT thực hiện theo biên bản họp HĐQT ngày 05/7/2024. Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT hàng tháng và giám sát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư 21.

Về việc ban hành các quy định, quy chế hoạt động: HĐQT thực hiện ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý, điều hành hoạt động chung của Quỹ tín dụng như:

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT ngày 28/2/2020; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban điều hành ngày 28/2/2020; Quy định về quy trình kiểm toán nội bộ ngày 28/2/2020; Quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS ngày 28/2/2020; Quy chế cán bộ nhân viên ngày 28/2/2020; Quy chế quy định về nội quy sử dụng lao động; Quy chế nhân viên và quy định về tiền lương ngày 05/7/2019; Quy chế nội quy lao động, quy tắc đạo đức và ứng xử ngày 28/2/2020; Quy chế chi tiêu nội bộ ngày 05/7/2019; Quy chế đảm bảo an toàn trong hoạt động ngày 30/6/2020; Quy chế đảm bảo tiền vay ngày 03/5/2021; Quy chế phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động ngày 19/10/2019; Quy chế miễn giảm lãi vốn vay đối với khách hàng ngày 24/4/2023 theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN và Quyết định số 15/2024/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2024 về quy định nội bộ Thông tư 06/2024/TT-NHNN ngày 18/6/2024 sửa đổi Thông tư 02/2023/TT-NHNN; Quy chế tiền gửi tiết kiệm ngày 05/7/2022; Quy chế giao

nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá ngày 05/7/2019; Quy trình thu chi tiền mặt; Quy trình hạch toán, luân chuyển chứng từ kế toán.

Trách nhiệm người có liên quan: Bà Trương Thị Phương – Chủ tịch HĐQT; ông Lê Hồng Quảng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; ông Trần Quốc Tuấn – Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ III).

Về hoạt động của Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ bán chuyên trách. Định kỳ hàng năm, có lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT để thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đối với các thành viên HĐQT theo đúng quy định.

1.2. Ban kiểm soát

1.2.1. Về tiêu chuẩn, cơ cấu BKS:

BKS nhiệm kỳ III (2019-2023), có 03 thành viên (ông Tạ Văn Quang – Trưởng ban, ông Phạm Vũ Thành – Thành viên và bà Bùi Thị Thanh Huyền – Thành viên) Đại hội thành viên bầu theo danh sách đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự BKS QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ III tại Công văn số 662/ĐNA-TTGS ngày 04/6/2019. BKS có 03/03 thành viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Thông tư 04 tại thời điểm được bầu.

BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029), có 03 thành viên (bà Đoàn Thị Hóa – Trưởng ban, bà Bùi Thị Thanh Huyền – Thành viên và bà Hồ Thị Quỳnh Hoa – Thành viên) Đại hội thành viên bầu theo danh sách đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự BKS QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ IV tại Công văn số 576/ĐNA-TTGS ngày 03/6/2024. BKS có 03/03 thành viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 11 Điều 2 Thông tư 21 tại thời điểm được bầu.

Hoạt động của BKS, Trưởng BKS:

- + Trưởng BKS có tham gia họp định kỳ với HĐQT.
- + Hàng tháng, BKS tổ chức họp với đầy đủ thành viên để tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng trước và đề ra các phương hướng, nhiệm vụ trong tháng và có ghi nhận bằng biên bản họp.
- + Hàng tháng có thực hiện kiểm tra, kiểm soát tương đối toàn diện các hoạt động của Quỹ và đề ra phương hướng hoạt động tháng tới. Kết quả kiểm tra, kiểm soát được báo cáo bằng văn bản gửi NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

1.2.2. Về thực hiện kiểm soát và kiểm toán nội bộ:

Thực hiện quy định về kiểm toán nội bộ, QTDND Thiên Thành đã bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ theo Quyết định số 22/QĐ-TDĐT ngày 03/7/2019 về việc bổ nhiệm ông Tạ Văn Quang chức danh Trưởng Kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ III và theo Quyết định số 05/QĐ-TDĐT ngày 24/6/2024 về việc bổ nhiệm bà Đoàn Thị Hóa chức danh Trưởng Kiểm toán nội bộ nhiệm kỳ IV.

BKS đã xây dựng và ban hành Quy trình của QTDND Thiên Thành tại Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Thống đốc NHNN Việt Nam. Trưởng kiểm toán nội bộ có xây dựng Kế hoạch Kiểm toán nội bộ hàng năm. Đầu tháng các năm 2021 đến 2024, QTDND Thiên Thành thực hiện tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của NHNN Việt Nam. Kết quả kiểm toán nội bộ đánh giá tình hình hoạt động trong năm trước và kế hoạch kiểm toán nội bộ trong năm, nội dung báo cáo nêu một số tồn tại và hạn chế trong hoạt động nghiệp vụ để Quý chấn chỉnh, khắc phục.

Qua kết quả kiểm tra của Đoàn thanh tra nhận thấy còn tồn tại, hạn chế trong nghiệp vụ vẫn chưa được khắc phục triệt để cho thấy Ban kiểm soát và kiểm toán nội bộ chưa phát huy hiệu quả kiểm soát rủi ro, việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động của Quý. Đặc thù cho vay của Quý chủ yếu là cho vay tín chấp món nhỏ dưới 100 triệu, tiềm ẩn rủi ro không thu hồi được khoản vay là rất cao, các khoản vay nợ quá hạn, nợ xấu chọn mẫu kiểm tra đa phần là các khoản vay tín chấp tuy nhiên các đợt kiểm tra định kỳ của BKS và bộ phận Kiểm toán nội bộ chưa đưa ra ý kiến cũng như đề xuất biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản vay tín chấp để giảm thiểu rủi ro tín dụng (nếu có) xảy ra và chưa phát hiện được một số tồn tại, hạn chế được nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn Thanh tra.

Trách nhiệm người có liên quan: ông Tạ Văn Quang - Trưởng BKS, bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thành viên BKS và ông Phạm Vũ Thành - Thành viên BKS (nhiệm kỳ III).

1.3. Ban điều hành

1.3.1. Về điều kiện, tiêu chuẩn của Ban điều hành:

- Trong thời điểm nhiệm kỳ III:

Ông Lê Hồng Quảng – Giám đốc được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc theo Quyết định số 12/QĐ-TDĐT ngày 23/6/2019 của HĐQT, thời hạn là 05 năm, đúng theo danh sách đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm Giám đốc của QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ III (2019-2023) tại Công văn số 661/ĐNA-TTGS ngày 04/6/2020 và đã được Đại hội thành viên Thông qua ngày 22/6/2019. Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 24, Thông tư 04 tại thời điểm được bổ nhiệm.

- Trong thời điểm nhiệm kỳ IV:

Ông Tạ Văn Quang – Giám đốc được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc theo Quyết định số 02/2024/QĐ-QTDĐT ngày 24/6/2024 của HĐQT, thời hạn là 05 năm, đúng theo danh sách đã được NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm Giám đốc của QTDND Thiên Thành nhiệm kỳ IV (2024-2029) tại Công văn số 414/ĐNA-TTGS ngày 22/4/2024 và đã được Đại hội thành viên thông qua ngày 22/6/2024. Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư 21 tại thời điểm được bổ nhiệm.



1.3.2. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban điều hành:

Nhìn chung trong thời kỳ thanh tra, Ban điều hành QTDND đã cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật, chấp hành tương đối tốt các văn bản chỉ đạo của ngành, nghị quyết của HĐQT, đã có những nỗ lực nhất định trong công tác điều hành hoạt động, kết quả kinh doanh năm 2021, 2022 2023 và 06 tháng đầu năm 2024 đều có lãi. Tuy nhiên công tác điều hành còn để xảy ra một số tồn tại, hạn chế trong các mặt nghiệp vụ được thể hiện tại kết quả kiểm tra, xác minh theo từng nội dung thanh tra.

Trách nhiệm người có liên quan: ông Lê Hồng Quảng – Giám đốc (nhiệm kỳ III).

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động huy động vốn và chấp hành lãi suất huy động

2.1. Việc ban hành các chính sách, quy định nội bộ

Trong thời kỳ thanh tra, HĐQT QTDND Thiên Thành thực hiện ban hành mới quy định nội bộ về giao dịch tiền gửi tiết kiệm theo Quyết định số 08/QĐ-QTDDT ngày 05/7/2022 của HĐQT QTDND Thiên Thành (bãi bỏ) Quyết định số 03/2020/QĐ-HQQT ngày 05/01/2020). Về cơ bản quy chế mới ban hành phù hợp với Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (Thông tư 48) quy định về tiền gửi tiết kiệm, đảm bảo việc thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm, cấp tín dụng chính xác, an toàn tài sản cho người gửi tiền cũng như hoạt động của QTDND Thiên Thành.

*** Về quản lý về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng**

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Thiên Thành thực hiện việc nhập, xuất, bảo quản, kiểm kê, quản lý sổ tiết kiệm trắng theo Quyết định số 09/QĐ-QTDDT ngày 05/01/2022 của HĐQT QTDND Thiên Thành, quy chế được ban hành và triển khai kịp thời theo đúng quy định tại điểm 3 khoản 20 Điều 2 Thông tư 21 sửa đổi, bổ sung Điều 36 Thông tư 04.

*** Về lãi suất huy động:**

Trong thời kỳ thanh tra từ tháng 06/2021 đến 30/6/2024, QTDND Thiên Thành thay đổi thường xuyên điều chỉnh mức lãi suất huy động của các kỳ hạn thông qua các Quyết định/Thông báo lãi suất và kỳ hạn huy động tiền gửi của Giám đốc, cụ thể:

+ Từ tháng 06/2021: Thông báo số 02/2021/TB-TDDT ngày 06/4/2021 (áp dụng từ ngày 06/4/2021).

+ Năm 2022: Thông báo số 19/2022/QĐ-TDDT ngày 06/7/2022 (áp dụng từ ngày 06/7/2022); Thông báo số 20/2022/QĐ-TDDT ngày 08/8/2022 (áp dụng từ ngày 08/8/2022); Thông báo số 26/2022/TB-TDDT ngày 06/10/2022 (áp dụng từ ngày 01/11/2022); Thông báo số 23/2022/TB-TDDT ngày 06/12/2022 (áp dụng từ ngày 05/12/2022).

+ Năm 2023: Thông báo số 12/2023/QĐ-TDĐT ngày 03/4/2023 (áp dụng từ ngày 03/4/2023); Thông báo số 16/2023/QĐ-TDĐT ngày 09/7/2023 (áp dụng từ ngày 06/7/2023); Thông báo số 18/2023/QĐ-TDĐT ngày 09/11/2023 (áp dụng từ ngày 09/11/2023).

+ Năm 2024: Thông báo số 05/2024/QĐ-TDĐT ngày 15/3/2024 (áp dụng từ ngày 16/3/2024).

Về cơ bản các quyết định lãi suất do Giám đốc ban hành không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 tháng, từ 01 tháng đến dưới 06 tháng đúng theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014 của NHNN Việt Nam do NHNN Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ đối với loại hình QTDND (sau đây gọi là Thông tư 07), cụ thể: Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 (hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2020); Quyết định số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022 (hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/9/2022); Quyết định số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022 (hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/10/2022); Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 (hiệu lực từ ngày 03/4/2023); Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 (hiệu lực từ ngày 25/5/2023); Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 (hiệu lực từ ngày 19/6/2023).

Tuy vậy qua kiểm tra nhận thấy các Quyết định/Thông báo mức lãi suất huy động trong từng thời kỳ chỉ quy định chung chung kỳ hạn 12 tháng trở lên áp dụng mức lãi suất thỏa thuận, không quy định khung lãi suất hoặc nguyên tắc/điều kiện thỏa thuận lãi suất....để thực hiện thống nhất việc tính lãi suất tiền gửi giữa QTDND Thiên Thành và khách hàng. Vì vậy qua kiểm tra sao kê tiền gửi thời điểm 30/6/2024 nhận thấy các sổ tiền gửi từ 12 tháng trở lên QTDND Thiên Thành áp dụng các mức lãi suất huy động không thống nhất và đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động nhận tiền gửi và thu hút nguồn tiền gửi của thành viên/khách hàng.

Trách nhiệm người có liên quan: ông Lê Hồng Quảng - Giám đốc (nhiệm kỳ III).

2.2. Tình hình huy động vốn

Cơ cấu nguồn vốn huy động của QTDND Thiên Thành tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/6/2024	So Sánh					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(4) so với (1)		(4) so với (2)		(4) so với (3)	
					Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Tổng nguồn vốn huy	11.744	20.166	17.726	15.825	4.081	34,75%	-4.341	-21,53%	-1.901	-10,72%
A. Huy động vốn từ dân	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/6/2024	So Sánh					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(4) so với (1)		(4) so với (2)		(4) so với (3)	
					Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
I. Phân theo thời hạn	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%
1. Tiền gửi KKH	954	4	13	9,0	-945	-99,06%	5	125,00%	-4	-30,77%
2. Tiền gửi CKH	10.790	15.122	16.283	15.816	5.026	46,58%	694	4,59%	-467	-2,87%
2.1. Từ 01 đến 05 tháng	402	210	151	400	-2	-0,50%	190	90,48%	249	164,90%
2.2 Từ 06 tháng đến 11 tháng	371	292	851	1.662	1.291	347,98%	1.370	469,18%	811	95,30%
2.3. Từ 12 tháng trở lên	10017	14.620	15.281	13.754	3.737	37,31%	-866	-5,92%	-1.527	-9,99%
II. Phân theo đối tượng	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%
1. Tiền gửi của TCKT										
2. Tiền gửi của cá nhân	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%
III. Phân theo thành viên	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%
1. Trong thành viên	7.382	10.947	10.959	11.275	3.893	52,74%	328	3,00%	316	2,88%
2. Ngoài thành viên	4.362	4.179	5.337	4.550	188	4,31%	371	8,88%	-787	-14,75%
Tỷ lệ huy động trong thành viên/tổng huy động	62,86%	72,37%	67,25%	71,25%						
IV. Phân theo địa bàn	11.744	15.126	16.296	15.825	4.081	34,75%	699	4,62%	-471	-2,89%
1. Tại địa bàn hoạt động	11.404	14.616	15.592	15.599	4.195	36,79%	983	6,73%	7	0,04%
2. Ngoài địa bàn hoạt động	340	510	704	226	-114	-33,53%	-284	-55,69%	-478	-67,90%
Tỷ lệ huy động tại địa bàn/tổng huy động vốn	97,10%	96,63%	95,68%	98,57%						
B. Vay vốn từ NH HTX		5.040	1.430		0		-5.040	-100%	-1.430	-100%
Tỷ lệ vốn vay/tổng huy động	0%	24,99%	8,07%	0%	0		-25	-100%	-8	-100%

(Nguồn: Số liệu báo cáo của QTDND Thiên Thành)

Qua kết quả kiểm tra đến 30/6/2024, tổng nguồn vốn hoạt động của QTDND Thiên Thành đạt 19.672 triệu đồng, trong đó tiền gửi của khách hàng 15.825 triệu đồng, vốn chủ sở hữu 3.101 triệu đồng, vốn vay tại các TCTD khác: không phát sinh. Nguồn vốn huy động của khách hàng vẫn là nguồn quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu nguồn vốn hoạt động tại QTDND Thiên Thành (chiếm tỷ trọng 80,44% tổng nguồn vốn hoạt động). Nguồn vốn huy động của Quỹ 100% là nguồn vốn huy

động thị trường 1 từ tiền gửi của khách hàng, đạt 15.825 triệu đồng với 310 sổ tiết kiệm/153 khách hàng tiền gửi, trong đó huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn huy động tối đa là 13 tháng, phù hợp với định hướng cho vay, quy mô khách hàng cũng như lợi thế và tiềm lực sẵn có của Quỹ. Với lợi thế nguồn tiền gửi ổn định, ít có biến động nhiều về số dư tiền gửi và đa phần từ tiền gửi của khách hàng lâu năm truyền thống, nhân viên quỹ, người thân quen của nhân viên quỹ đã giúp cho Quỹ chủ động đáp ứng nhu cầu vay vốn của thành viên trên địa bàn hoạt động của Quỹ. Nguồn vốn huy động chưa sử dụng hết được gửi tại Ngân hàng Hợp tác xã Chi nhánh Đồng Nai thể hiện cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn hợp lý, hiệu quả, tăng khả năng thanh khoản.

- **Về tỷ lệ vốn huy động so với vốn chủ sở hữu:** QTDND Thiên Thành đảm bảo tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 21 “3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.....”. Cụ thể: Tỷ lệ vốn huy động/vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2021 là 3,93 lần; Thời điểm 31/12/2022 là 4,96 lần; Thời điểm 31/12/2023 là 5,26 lần; Thời điểm 30/6/2024 là 5,10 lần.

- **Về tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động:** Theo báo cáo của QTDND Thiên Thành và qua đối chiếu giữa sao kê tiền gửi với sao kê thành viên trên hệ thống kế toán của QTDND Thiên Thành trong thời kỳ thanh tra nhận thấy so số liệu báo cáo tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động vốn của Quỹ khớp đúng kết quả kiểm tra, đối chiếu. Tỷ lệ huy động từ thành viên/tổng huy động về cơ bản đều đảm bảo đạt tối thiểu tỷ lệ 60% theo quy định tại khoản 19 Điều 2 Thông tư 21 “2. Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của QTDND có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của QTDND....”, cụ thể: Thời điểm 31/12/2021 đạt 62,86%; Thời điểm 31/12/2022 đạt 72,37%; Thời điểm 31/12/2023 đạt 67,25%; Thời điểm 30/6/2024 đạt 71,25%.

- **Về huy động vốn từ việc vay Ngân hàng Hợp tác xã:** Đến 30/6/2024, QTDND Thiên Thành không còn dư nợ tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai, nguồn vốn để cho vay hoàn toàn từ tiền gửi của khách hàng và vốn chủ sở hữu.

2.3. Việc thực hiện đăng ký mua, quản lý, kiểm kê và sử dụng sổ tiết kiệm trắng

- **Việc đăng ký mua, quản lý, kiểm kê sổ tiết kiệm trắng:** Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Thiên Thành không đăng ký mua thêm sổ tiết kiệm trắng, vẫn tiếp tục sử dụng sổ tiết kiệm trắng nhập từ năm 2020. Quỹ có thực hiện kiểm kê, đối chiếu sổ tiết kiệm trắng và được đóng vào Sổ kiểm kê ấn chỉ quan trọng có đầy đủ chữ ký của Thủ kho, Kế toán trưởng, Kiểm soát và Giám đốc tuy nhiên định kỳ kiểm kê vào cuối mỗi quý là chưa đúng theo quy định tại Điều 59 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021 của NHNN Việt Nam).

Trách nhiệm người có liên quan: bà Trương Thị Phương Chi – Thủ kho; bà Đoàn Thị Hóa – Kế toán trưởng; bà Bùi Thị Thanh Huyền – Kiểm soát; ông Lê Hồng Quảng – Giám đốc (nhiệm kỳ III).

- Việc sử dụng sổ tiết kiệm trắng:

QTDND Thiên Thành theo dõi xuất, nhập ấn chỉ quan trọng là sổ tiết kiệm trắng được theo dõi, cập nhật hàng ngày vào sổ theo dõi xuất nhập sổ tiết kiệm có kỳ hạn và trên phần mềm. Số lượng, số seri sổ tiền gửi kiểm kê quyết toán cuối quý trong thời kỳ thanh tra khớp đúng số lượng, số seri theo dõi trên sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn và số dư trên sổ kế toán, đơn cử một số thời điểm kiểm tra sau:

+ Thời điểm 30/6/2021: Số dư sổ tiết kiệm trắng tồn quỹ cuối kỳ trên sổ kế toán số hiệu tài khoản 9990000-1002 là 413 sổ từ AC 0314588 đến AC 0315000 khớp đúng tồn quỹ thực tế theo biên bản kiểm kê và sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn thời điểm 30/6/2021.

+ Thời điểm 31/12/2021: Số dư sổ tiết kiệm trắng tồn quỹ cuối kỳ trên sổ kế toán số hiệu tài khoản 9990000-1002 là 395 sổ từ AC 0314606 đến AC 0315000 khớp đúng tồn quỹ thực tế theo biên bản kiểm kê và sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn thời điểm 31/12/2021.

+ Thời điểm 31/12/2022: Số dư sổ tiết kiệm trắng tồn quỹ cuối kỳ trên sổ kế toán số hiệu tài khoản 9990000-1002 là 349 sổ từ AC 0314652 đến AC 0315000 khớp đúng tồn quỹ thực tế theo biên bản kiểm kê và sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn thời điểm 31/12/2022.

+ Thời điểm 31/12/2023: Số dư sổ tiết kiệm trắng tồn quỹ cuối kỳ trên sổ kế toán số hiệu tài khoản 9990000-1002 là 274 sổ từ AC 0314727 đến AC 0315000 khớp đúng tồn quỹ thực tế theo biên bản kiểm kê và sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn thời điểm 31/12/2023.

+ Thời điểm 30/6/2024: Số dư sổ tiết kiệm trắng tồn quỹ cuối kỳ trên sổ kế toán số hiệu tài khoản 9990000-1002 là 241 sổ từ AC 0314760 đến AC 0315000 khớp đúng tồn quỹ thực tế theo biên bản kiểm kê và sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn thời điểm 28/6/2024.

Khách hàng tiền gửi tại QTDND Thiên Thành đa phần là khách hàng thân quen, lượng tiền gửi ổn định, ít phát sinh giao dịch mở mới tiền gửi nên sổ tiết kiệm trắng có kỳ hạn xuất trong tháng không phát sinh nhiều (đơn cử tháng 06/2021 xuất kho trong tháng 01 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314587; tháng 07/2021 xuất kho 04 sổ 04 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314588 đến AC 0314591; tháng 09/2022 xuất kho 03 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314640 đến AC 0314642; tháng 08/2023 xuất kho 01 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314713; tháng 01/2024 xuất kho 06 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314727 đến AC 0314732; tháng 06/2024 xuất kho 05 sổ tiền gửi có kỳ hạn AC 0314755 đến AC 0314759). Sổ trắng được xuất theo số thứ tự seri sổ đảm bảo công tác theo dõi, kiểm soát, quản lý được thuận lợi và chặt chẽ.

Quản lý ấn chỉ hồng: Trong thời kỳ thanh tra, có 05 Thẻ tiết kiệm/Sổ tiết kiệm có kỳ hạn bị hỏng. Đối với sổ tiết kiệm hỏng Quỹ tiến hành lập biên bản ghi nhận sổ hỏng, thực hiện gạch chéo và cập nhật thông tin sổ hỏng trên sổ theo dõi ấn chỉ quan trọng; Sổ tiền gửi cùng thẻ lưu của sổ hỏng được bảo quản trong kho tiền. Kết quả kiểm tra sổ hỏng lưu kho thực tế khớp đúng số lượng sổ hỏng theo dõi sổ theo dõi xuất, nhập sổ tiền gửi có kỳ hạn. Cụ thể:

+ Năm 2021: Phát sinh 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn hỏng số seri AC 0314577 phát hành vào ngày 08/4/2021.

+ Năm 2022: Phát sinh 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn hỏng (số seri AC 0314613 phát hành ngày 22/02/2022 và số seri AC 0314615 phát hành vào ngày 11/3/2022).

+ Năm 2023: Phát sinh 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn hỏng (số seri AC 0314701 phát hành ngày 16/5/2023).

+ Thời điểm 30/6/2024: Phát sinh 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn hỏng (số seri AC 0314758 ngày 28/6/2024).

2.4. Việc chấp hành các quy định về nhận tiền gửi của khách hàng

Thực hiện kiểm tra 109 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm của 47 khách hàng tại thời điểm kiểm tra ngày 01/8/2024 nhận thấy có 06 thẻ lưu tiền gửi là thẻ tiết kiệm mẫu cũ phát hành trước thời điểm ngày 01/01/2020 (số BC 3718729 ngày gửi 12/6/2019, kỳ hạn gửi 12 tháng của khách hàng Trương Thị Liễu; số BC 3718758 ngày gửi 02/01/2019, kỳ hạn gửi 13 tháng và số BC 3718798 ngày gửi 15/8/2019, kỳ hạn gửi 12 tháng của khách hàng Đinh Quang Trường); số BC 3718791 ngày gửi 26/6/2019, kỳ hạn 13 tháng của khách hàng Phạm Thị Hải Yến; số BC 3718308 ngày gửi 18/02/2016, kỳ hạn 12 tháng của khách hàng Nguyễn Thị Nghiêm; số BC 3718818 ngày gửi 23/12/2019, kỳ hạn 12 tháng của khách hàng Bùi Đình Long); Còn lại 103 thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm sử dụng theo mẫu do Ngân hàng Hợp tác xã ban hành theo đúng quy định tại khoản 20 Điều 2 Thông tư 21. Nội dung thẻ lưu tiền gửi tiết kiệm về cơ bản đầy đủ các thông tin gửi tiền của khách hàng và thông tin của QTDND Thiên Thành, có đầy đủ chữ ký của khách hàng và chữ ký của cán bộ Quỹ có liên quan theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư 48.

- Căn cứ chứng từ kế toán do QTDND Thiên Thành cung cấp, chọn mẫu kiểm tra việc huy động tiền gửi tiết kiệm của 09 khách hàng (44 sổ tiền gửi) với tổng số dư tiền gửi 9.334 triệu đồng nhận thấy tại thời điểm khách hàng gửi tiền có đầy đủ chứng từ (gồm giấy gửi tiền, thẻ lưu sổ tiết kiệm, phiếu xuất ngoại bảng, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt), các nội dung tối thiểu ghi trên sổ tiết kiệm thể hiện đầy đủ và được hạch toán theo quy định, mức lãi suất huy động từ 06 tháng trở lên ghi trên sổ tiết kiệm đúng quy định về biểu lãi suất do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và đúng theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư 07; Nội dung thẻ lưu của các sổ tiền gửi khớp đúng thông tin trên sao kê tiền gửi thời điểm 30/6/2024. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Lãi suất trên sổ	Lãi suất tái tục trên sao kê tiền gửi	Số tiền gửi gốc	Số dư tiền gửi đến 30/6/2024	Ngày mở sổ
1	TRƯƠNG THỊ PHƯỢNG	TQ0233871	0,2%	0,2%	0,58	0,58	15/12/2015
		TQ0233891	0,2%	0,2%	5,42	5,42	17/10/2017
		TQ0288603	0,2%	0,2%	0,47	0,47	12/06/2019
		AC0314629	8%	9,0%	550	550	09/6/2022
		AC0314631	8%	9,0%	360	362	15/6/2022
		AC0314638	8%	9,0%	570	574	10/8/2022
		AC0314644	10%	9,0%	1.100	1.100	28/10/2022
		AC0314604	10%	9,0%	140	142	14/12/2021
		AC0314676	10%	8,0%	200	202	13/02/2023
		AC0314611	8,5%	8,0%	26	31,47	16/02/2022
		AC0314740	8,0%	8,0%	450	450	07/5/2024
2	PHẠM THỊ HẢI YÊN	BC3718791	10%	9,0%	110	127	26/6/2019
		AC0314650	8%	7,0%	20	21,47	21/12/2022
		AC0314681	10%	8,0%	90	91,48	01/3/2023
		AC0314754	8,0%	8,0%	400	400	28/6/2024
		AC0314755	8,0%	8,0%	100	100	04/6/2024
		AC0314756	8,0%	8,0%	130	130	07/6/2024
		AC0314759	8,0%	8,0%	400	400	28/6/2024
3	TRẦN ĐÌNH LUẬN	BC3718799	8%	7,0%	50	66,18	19/8/2019
		AC0314665	10%	7,0%	500	500	30/01/2023
		AC0314666	10%	7,0%	500	500	30/01/2023
		AC0314667	10%	7,0%	150	150	30/01/2023
4	LÊ THỊ TRI	AC0314645	8%	7,0%	140	140	04/11/2022
		AC0314605	7,0%	7,0%	340	340	21/12/2021
		AC0314732	7,0%	7,0%	100	100	29/01/2024
		AC0314671	10%	7,0%	100	100	01/02/2023
5	ĐÌNH QUANG TRƯỜNG	AC0314621	7,5%	10%	250	257,76	12/5/2022
		BC3718798	8,0%	7,0%	100	128,70	15/8/2019
		BC3718758	8,5%	6,0%	200	264	02/01/2019
6	NGUYỄN THỊ THƠM	AC0314593	7,0%	7,0%	100	100	24/9/2021
		AC0314719	8,0%	8,0%	300	300	08/11/2023
		AC0314670	10%	8,0%	300	300	01/02/2023
7	ĐẶNG THỊ THANH	TQ0288604	0,2%	0,2%	0,68	0,68	03/09/2019
		AC0314741	6,0%	6,0%	50	50	08/5/2024
		AC0314742	8%	6,0%	50	50	08/5/2024
		AC0314745	5,0%	5,0%	150	150	09/5/2024
		AC0314746	5,0%	5,0%	150	150	09/5/2024
		AC0314747	5,0%	5,0%	100	100	09/5/2024
8	NGUYỄN TẤT CƯỜNG	AC0314646	8,0%	8,0%	200	200	09/11/2022
		AC0314699	10%	8,0%	300	300	10/5/2023
9	BÙI THỊ THANH HUYỀN	AC0314722	8,0%	9,0%	60	60	15/12/2023
		AC0314702	8%	6,0%	40	40	18/5/2023
		AC0314710	8%	6,0%	300	300	11/7/2023
		AC0314684	10%	5,0%	100	100	14/3/2023
TỔNG CỘNG						9.334	

2.5. Việc tính lãi và chấp hành lãi suất vốn huy động

a. Đối với khách hàng tắt toán đúng hạn và đối với khách hàng còn số dư tiền gửi:

Chọn mẫu kiểm tra 22 số tiết kiệm của 16 khách hàng tắt toán đúng hạn và khách hàng còn số dư tiền gửi đến thời điểm 30/6/2024 với tổng số dư tiền gửi 3.433,20 triệu đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Số tiền gửi gốc (triệu đồng)	Số dư tiền gửi tại thời điểm tắt toán/tại thời điểm 30/6/2024 (triệu đồng)	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Lãi suất trên sổ /lãi suất tái tục (%/năm)	Lãi suất thực chi	Ngày tắt toán/ngày chi lãi
1	Nguyễn Thị Chung	AC0314554	20	21,60	12	24/12/2020	24/12/2021	24/12/2022	7%	7%	24/12/2022
2	Quách Anh Bông	BC3718790	90	116,48	12	26/6/2019	26/6/2023	26/6/2024	8%	8%	26/6/2024
		AC0314608	50	50	13	21/02/2022	21/02/2023	21/3/2024	10%	10%	21/3/2024
3	Vũ Tô Hạnh	AC0314695	250	250	13	12/4/2023	12/4/2023	12/5/2024	10%	10%	13/5/2024
4	Phạm Thị Hải Yến	AC0314612	1.000	1.006,52	13	16/02/2022	16/3/2023	16/4/2024	10%	10%	19/4/2024
		AC0314673	260	260	12	01/02/2023	01/02/2023	01/02/2024	10%	10%	01/02/2024
5	Bùi Phú Dự	AC0314573	100	108,71	12	22/3/2021	22/3/2023	22/3/2024	10%	10%	25/3/2024
6	Trương Thị Phương	AC0314602	520	520	13	15/12/2022	15/12/2022	15/01/2024	10%	10%	16/01/2024
7	Hoàng Thị Tứ	AC0314664	50	50	12	19/01/2023	19/01/2023	19/01/2024	10%	10%	19/01/2024
8	Hà Ngọc Toán	AC0314683	50	50	12	06/3/2023	06/3/2023	06/3/2024	10%	10%	06/3/2024
9	Nguyễn Thị Kim Thoa	AC0314715	50	50	06	13/9/2023	13/3/2024	13/3/2024	5,5%	5,5%	13/3/2024
10	Bùi Thị Luyến	AC03146706	40,42	40,42	06	20/6/2023	20/6/2023	20/12/2023	5,5%	5,5%	17/10/2023
11	Đặng Thị Thanh Xuân	AC0314672	40	40	07	01/02/2023	01/4/2024	01/11/2024	6,5%	6,5%	02/4/2024
		AC0314678	50	50	07	01/02/2023	22/4/2024	22/11/2024	6,5%	6,5%	25/4/2024
12	Bùi Đình Long	AC0314639	100	100	12	30/8/2022	30/8/2023	30/8/2024	6%	6%	30/8/2023
		BC3718818	100	100	12	23/12/2019	23/12/2023	23/12/2024	8%	8%	27/12/2023
13	Hồ Quang Hội	AC0314723	100	100	06	21/12/2023	21/6/2024	21/12/2024	5,5%	5,5%	21/6/2024
14	Hoàng Thị Quy	AC0314686	120	132,03	12	21/3/2024	21/3/2024	21/3/2025	7%	7%	28/3/2024
15	Nguyễn Thị Kim Thoa	AC0314736	250	250	07	27/3/2024	27/03/2024	27/10/2024	5%	5%	28/6/2024
16	Phạm Trương Diễm Quỳnh	AC0314656	100	104,191	13	05/01/2023	05/02/2024	05/03/2025	10%	10%	20/9/2023
		AC0314674	20	22,16	13	09/02/2023	09/03/2024	09/04/2025	8%	8%	28/3/2024
		AC0314703	10	11,09	13	19/5/2023	19/06/2024	19/07/2025	8%	8%	26/6/2024

S T T	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Số tiền gửi gốc (triệu đồng)	Số dư tiền gửi tại thời điểm tất toán/tại thời điểm 30/6/2024 (triệu đồng)	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Lãi suất trên sổ /lãi suất tái tục (%/năm)	Lãi suất thực chi	Ngày tất toán/ngày chi lãi
TỔNG CỘNG				3.433,20							

Kết quả kiểm tra nhận thấy, QTDND Thiên Thành thực hiện áp dụng lãi suất, tính và trả lãi tiền gửi đối với các sổ tiền gửi tiết kiệm từ 06 tháng trở lên thực hiện chi trả theo đúng quy định về mức lãi suất do Giám đốc ban hành trong từng thời kỳ; Việc tính và trả lãi đối với các sổ tiết kiệm có kỳ hạn đến hạn chi trả lãi/tất toán sổ tiền gửi đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “*Số tiền lãi bằng tổng số dư thực tế nhân với số ngày duy trì số dư thực tế nhân với lãi suất và chia cho 365*”. Việc chi trả tiền gửi có đầy đủ các chứng từ theo quy định như giấy lĩnh tiền, sổ tiết kiệm, thẻ lưu, nhật ký quỹ, sổ quỹ tiền mặt, cân đối chứng từ... và được hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời, đúng số tiền khách hàng thực nhận lãi, gốc và đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

b. Đối với khách hàng tất toán trước hạn toàn bộ tiền gửi:

Chọn mẫu kiểm tra đối với 26 sổ tiết kiệm của 20 khách hàng tất toán trước hạn toàn bộ tiền gửi với số dư tiền gửi tại thời điểm tất toán 6.133,41 triệu đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Số tiền gửi gốc	Số dư tiền gửi tại thời điểm tất toán	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Lãi suất trên sổ/Lãi suất tái tục kỳ hạn (%/năm)	Lãi suất thực chi	Ngày tất toán	Ghi chú
1	Hoàng Thị Quy	AC0314649	220	220	13	24/12/2022	24/12/2022	24/01/2024	8%	1%	03/01/2023	
2	Trần Đình Luận	AC0314571	600	652	13	17/3/2021	17/4/2022	17/5/2023	7,5%	1%	05/01/2023	
	Trần Đình Luận	AC0314619	700	700	13	09/5/2022	09/5/2022	09/6/2023	7,5%	1%	05/01/2023	
	Trần Đình Luận	AC0314620	750	750	13	09/5/2022	09/5/2022	09/6/2023	7,5%	1%	05/01/2023	
3	Phạm Thị Hải Yến	AC0314603	520	520	13	07/12/2021	07/12/2021	07/01/2023	10%	1%	18/01/2023	
4	Lê Đình Hải	AC0314574	100	100	13	05/4/2021	05/4/2021	05/4/2022	8%	0,2%	09/6/2022	
5	Lê Thị Tri	AC0314623	100	100	02	13/5/2022	13/5/2022	13/7/2022	4%	0,2%	20/6/2022	
6	Nguyễn Quang Dũng	AC0314749	52	52	06	15/5/2024	15/5/2024	15/11/2024	5%	1%	03/6/2024	Số tiền lãi thực chi 27.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%

TT	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Số tiền gửi gốc	Số dư tiền gửi tại thời điểm tắt toán	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Lãi suất trên số/Lãi suất tái tục kỳ hạn (%/năm)	Lãi suất thực chi	Ngày tắt toán	Ghi chú
	Nguyễn Quang Dũng	AC0314752	105	105	05	27/5/2024	27/5/2024	27/10/2024	5%	1%	03/6/2024	Số tiền lãi thực chi 20.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
7	Bùi Thị Luyến	AC0314739	250	250	01	02/5/2024	02/6/2024	02/7/2024	3%	1%	03/6/2024	Số tiền lãi thực chi 7.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
8	Nguyễn Thị Thu Trang	AC0314679	100	110	12	23/02/2024	23/02/2024	23/02/2025	7%	1%	21/6/2024	Số tiền lãi thực chi 359.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
9	Trần Thị Mỹ Châu	AC0314751	120	120,31	01	21/5/2024	21/6/2024	21/7/2024	3%	1%	28/6/2024	Số tiền lãi thực chi 23.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
10	Trương Thị Phương Chi	AC0314691	100	100	13	07/4/2023	07/5/2024	07/6/2025	8%	1%	21/5/2024	Số tiền lãi thực chi 38.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
	Trương Thị Phương Chi	AC0314748	40	40	13	13/5/2024	13/5/2024	13/6/2025	8%	1%	21/5/2024	Số tiền lãi thực chi 9.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
11	Phan Thị Xuân Lý	AC0314680	60	66	12	23/02/2023	23/02/2024	23/02/2025	7%	1%	29/3/2024	Số tiền lãi thực chi 63.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
12	Trần Thị Thanh	AC0314725	150	150	12	27/12/2023	27/12/2023	27/12/2024	5,5%	1%	02/02/2024	Số tiền lãi thực chi 152.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
13	Phạm Xuân Thiêm	AC0314662	250	250	12	18/01/2023	18/01/2023	18/01/2024	7%	1%	28/7/2023	Số tiền lãi thực chi 654.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
14	Phạm Trường Tấn Phát	AC0314675	20	20	12	09/02/2023	09/02/2023	09/02/2024	7%	1%	28/8/2023	Số tiền lãi thực chi 110.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%

TT	Khách hàng	Số sổ tiền gửi	Số tiền gửi gốc	Số dư tiền gửi tại thời điểm tắt toán	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở sổ	Ngày gửi	Ngày đến hạn	Lãi suất trên sổ/Lãi suất tái tục kỳ hạn (%/năm)	Lãi suất thực chi	Ngày tắt toán	Ghi chú
15	Nguyễn Thị Minh	AC0314706	40	40,42	06	20/6/2023	20/12/2023	20/6/2024	5,5%	1%	17/10/2023	Số tiền lãi thực chi 132.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
16	Lê Khắc Nghệ	AC0314718	60	60	12	11/10/2023	11/10/2023	11/10/2024	8%	1%	28/12/2023	Số tiền lãi thực chi 128.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
	Lê Khắc Nghệ	AC0314720	20	20	11	15/11/2023	15/11/2023	15/10/2024	7%	1%	28/12/2023	Số tiền lãi thực chi 24.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
17	Đinh Ngọc Chính	BC3718757	140	197	13	14/4/2023	14/4/2023	14/5/2024	10%	1%	20/11/2023	Số tiền lãi thực chi 1.188.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
18	Đặng Thị Thanh	AC0314663	20	21,16	07	19/01/2023	19/8/2023	19/3/2024	6,5%	1%	29/8/2023	Số tiền lãi thực chi 6.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
19	Huỳnh Thị Thủy Hương	AC0314655	1.400	1.438	06	05/01/2023	05/7/2023	05/01/2024	5,5%	1%	04/8/2023	Số tiền lãi thực chi 1.182.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
20	Nguyễn Thị Ngân	AC0314546	35	41,33	13	11/9/2020	11/11/2022	11/12/2023	7,5%	1%	16/01/2023	Số tiền lãi thực chi 75.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
	Nguyễn Thị Ngân	AC0314628	10	10,19	5	01/6/2022	01/11/2022	01/4/2023	5%	1%	16/01/2023	Số tiền lãi thực chi 21.000 đồng, vượt so với quy định 0,5%
TỔNG CỘNG				6.133,41								

Kết quả kiểm tra nhận thấy, các sổ tiền gửi rút trước hạn toàn bộ tiền gửi, QTDND Thiên Thành áp dụng chi lãi không kỳ hạn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài “1.Trường hợp khách hàng rút trước hạn toàn bộ tiền gửi: tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng

và/hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi...”. Tuy nhiên qua kiểm tra chứng từ chi trả lãi tiền gửi nhận thấy kể từ thời điểm tháng 04/2023 đến thời điểm tháng 06/2024, QTDND Thiên Thành áp dụng mức lãi suất không kỳ hạn đối với 19 sổ tiền gửi rút trước hạn toàn bộ tiền gửi của 15 khách hàng là **1%/năm** vượt mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư 07 và các quyết định của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định trong từng thời kỳ đối với loại hình QTDND là **0,5%/năm**, cụ thể: Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023 của NHNN Việt Nam; Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Quyết định lãi suất do Giám đốc QTDND Thiên Thành ban hành. Tổng số tiền lãi chi trả sai so với quy định đối với 19 sổ tiền gửi phải thu hồi là 2.109,5 triệu đồng.

Hành vi trên vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 13 Mục 4 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021) (sau đây gọi là Nghị định 88) “Điều 13. Vi phạm quy định về lãi suất huy động vốn, phí cung ứng dịch vụ, kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh: 3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về lãi suất huy động; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất, tiền tệ, giá cả hàng hóa và tài sản tài chính khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và điểm a khoản 8 Điều 23 Nghị định này...”

Mức phạt tiền được áp dụng đối với tổ chức quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Chương I Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021) “c) Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm của cá nhân là người làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô bằng 10% mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này; mức phạt tiền đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, đơn vị phụ thuộc của các tổ chức này bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân là người làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô...”

Thời điểm phát hiện vi phạm là: 10 giờ 00 phút ngày 12/8/2024, căn cứ quy định tại tiết a, tiết b, khoản 1 Điều 6 Luật xử phạt vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020): “1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau: a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm...b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau: Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm; Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm...”, hành vi vi phạm chi trả lãi tiền gửi đối với 02 khách hàng (Phạm Xuân Thiêm, sổ tiền gửi AC031466, ngày chi lãi 28/7/2023; Nguyễn Thị Ngân, sổ tiền gửi AC0314546 và AC0314628, ngày chi lãi 16/01/2023) quá thời hiệu xử phạt vi

phạm hành chính, còn lại hành vi vi phạm chỉ trả lãi tiền gửi đối với 13 khách hàng (16 số tiền gửi) còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC ngày 13/8/2024 và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng số 18/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2024 đối với hành vi vi phạm hành chính thực hiện áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với 16 số tiền gửi (13 khách hàng) tất toán trước hạn toàn bộ tiền gửi vượt mức lãi suất không kỳ hạn tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và các Quyết định lãi suất do Giám đốc QTDND Thiên Thành ban hành. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền; Số tiền phạt bằng số: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Trách nhiệm người có liên quan: bà Đoàn Thị Hóa – Kế toán trưởng; bà Bùi Thị Thanh Huyền – Kiểm soát; ông Lê Hồng Quảng – Giám đốc (nhiệm kỳ III).

c. Đối với khách hàng rút 01 phần gốc: Theo báo cáo của QTDND Thiên Thành và qua kiểm tra một số thời điểm chứng từ kế toán trong thời kỳ thanh tra nhận thấy Quỹ chưa phát sinh trường hợp khách hàng rút trước hạn 01 phần gốc.

2.6. Việc quy định về biện pháp tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và niêm yết công khai thông tin về huy động tiền gửi tiết kiệm tại trụ sở

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm; Thủ tục giao dịch tiền gửi tiết kiệm; Quy định về từng hình thức nhận tiền gửi tiết kiệm; Xử lý đối với trường hợp nhàu nát, rách, mất thẻ tiết kiệm; Biện pháp để người gửi tiền tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm được niêm yết công khai tại trụ sở theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 48.

2.7. Thanh tra việc áp dụng các chương trình khuyến mại, lãi suất ưu đãi và chi hoa hồng môi giới

Trong thời kỳ thanh tra, QTDND Thiên Thành không có áp dụng các chương trình khuyến mãi, lãi suất ưu đãi trong hoạt động huy động vốn; Không thực hiện chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động huy động vốn.

2.8. Đối chiếu, xác minh tiền gửi

Lập danh sách chọn mẫu đối chiếu, xác minh thực tế 14 khách hàng gửi tiền với tổng số dư tiền gửi đến 30/6/2024 là 10.441 triệu đồng. Liên hệ đối chiếu, xác minh thực tế gặp xác minh, đối chiếu 11 khách hàng với tổng số dư tiền gửi là 9.042 triệu đồng, chiếm 57,14%/tổng vốn huy động tiền gửi tại QTDND Thiên Thành. Kết quả đối chiếu, xác minh các khách hàng đều xác nhận số dư tiền gửi trên sổ tiết kiệm thực tế do khách hàng xác nhận khớp đúng số dư tiền gửi trên sao kê tiền gửi đến 30/6/2024. Các sổ tiết kiệm đều được hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm mở sổ tiền gửi theo đúng quy định (*chi tiết tại Biểu số 01 – Danh sách đối chiếu, xác minh tiền gửi*).

3. Thanh tra việc thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro

3.1. Về công tác phân loại nợ

QTDND Thiên Thành đã ban hành quy chế phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng, nội dung quy chế đúng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của NHNN Việt Nam về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (Quyết định 493) và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của NHNN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định 493 (Quyết định 18).

Đến thời điểm thanh tra QTDND Thiên Thành thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng đối với 05 khách hàng với dư nợ được cơ cấu 469 triệu đồng theo quy định Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 24/3/2023 của NHNN Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Kết quả phân loại nợ đến hết Quý II/2024 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Phân loại nợ	Số liệu của QTDND Thiên Thành	Số liệu của Đoàn Thanh tra	Kết quả thanh tra so với báo cáo tăng (+), giảm (-)
Nhóm 1	10.922	10.922	0
Nhóm 2	108	108	0
Nhóm 3	138	138	0
Nhóm 4	114	114	0
Nhóm 5	0	0	0
Nợ xấu (3+4+5)	252	252	0
Nợ xấu/tổng dư nợ (%)	12,9%	12,9%	0
Tổng dư nợ	11.283	11.283	0

QTDND Thiên Thành thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quý. Qua kiểm tra hồ sơ vay vốn còn dư nợ đến 30/6/2024, việc phân loại nợ của QTDND Thiên Thành đến hết quý II/2024 thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 18.

3.2. Về trích lập DPRR

QTDND Thiên Thành thực hiện trích lập sử dụng dự phòng rủi ro theo quý, số tiền trích lập dự phòng rủi ro qua một số thời điểm cuối năm như sau:

* Số liệu của QTDND Thiên Thành:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2021	Quý IV/2022	Quý IV/2023	Quý II/2024
Dự phòng cụ thể	129	179	137	86
Dự phòng chung	62	105	118	85

* Số liệu của Đoàn thanh tra:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý IV/2021	Quý IV/2022	Quý IV/2023	Quý II/2024
Dự phòng cụ thể	129	179	137	86
Dự phòng chung	62	105	118	85

Trong thời kỳ thanh tra, qua kết quả thanh tra, nhận thấy QTDND Thiên Thành trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung đến cuối Quý II/2024 đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định 18.

3.3. Về sử dụng dự phòng rủi ro

Thời điểm 31/12/2022, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đang hạch toán ngoại bảng là 2.621 triệu đồng. Trong kỳ từ 01/01/2022 đến 31/12/2022, Quỹ không phát sinh thêm khách hàng phải sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro so với thời điểm cuối tháng 06/2021.

Thời điểm 31/12/2023, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 2.749 triệu đồng. Trong kỳ từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, Quỹ phát sinh khoản nợ gốc xử lý rủi ro là 129 triệu đồng đối với 08 khách hàng và thu hồi được 1 triệu đồng nợ gốc đã xử lý rủi ro.

Đến thời điểm 30/6/2024, số nợ gốc được dùng dự phòng rủi ro để xử lý đang hạch toán ngoại bảng là 715 triệu đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2024, Quỹ phát sinh khoản nợ gốc xử lý rủi ro là 247 triệu đồng đối với 07 khách hàng và đã thu hồi được 2.281 triệu đồng nợ gốc đã xử lý rủi ro.

Số dư nợ gốc xử lý rủi ro đến thời điểm 30/6/2024 giảm so với cuối năm 2023 thể hiện QTDND Thiên Thành đã rất nỗ lực, tích cực trong công tác thu hồi các khoản nợ xử lý rủi ro để giảm tổn thất, thiệt hại cho Quỹ. Kết quả kiểm tra hồ sơ 15 khách hàng được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro nhận thấy về cơ bản trình tự, thủ tục hồ sơ xử lý rủi ro thực hiện đúng theo quy định tại Điều 15 Quyết định 493 và khoản 6 Điều 1 Quyết định 18.

4. Thanh tra việc chấp hành các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn

QTDND Thiên Thành đã ban hành quy định nội bộ số 06/2020/NQ-HĐQT ngày 30/6/2020 của Chủ tịch HĐQT về việc ban hành các quy chế về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của QTDND Thiên Thành phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của NHNN Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi tắt là Thông tư 32) và được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 21.

4.1. Về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Theo số liệu báo cáo của QTDND Thiên Thành, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Quỹ tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021			Thời điểm 31/12/2022		
		Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch
I	Tổng cộng vốn tự có = (1)+(2)-(3)	2.940	2.940	0	3.055	3.055	0
1	Vốn cấp 1	2.637	2.637	0	2.673	2.673	0
2	Vốn cấp 2	303	303	0	382	382	0
3	Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-	-	-	-
II	Tổng tài sản "Có" rủi ro = (1)+(2)+(3)+(4)	5.307	5.307		10.874	10.874	
1	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 0%	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 20%	3	3	0	37	37	0
3	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 50%	973	973	0	2.630	2.630	0
4	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 100%	4.332	4.332	0	8.207	8.207	0
Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn = (I)/(II)x100		55,40%	55,40%		28,10%	28,10%	

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2023			Thời điểm 30/6/2024		
		Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch
I	Tổng cộng vốn tự có	3.085	3.085	0	3.093	3.093	0
1	Vốn cấp 1	2.705	2.705	0	2.739	2.739	0
2	Vốn cấp 2	380	380	0	354	354	0
3	Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	-	-	-	-	-	-
II	Tổng tài sản "Có" rủi ro = (1)+(2)+(3)+(4)	9.783	9.783		8.992	8.992	
1	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 0%	-	-	-	-	-	-
2	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 20%	17	17	0	54	54	0
3	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 50%	2.256	2.256	0	1.715	1.715	0
4	Nhóm tài sản "Có" có hệ số rủi ro 100%	7.510	7.510	0	7.223	7.223	0
Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn = (I)/(II)x100		31,54%	31,54%		34,40%	34,40%	

*** Kết quả thanh tra:** QTDND Thiên Thành đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Quỹ đảm bảo theo quy định tại Điều 5 Thông tư 32 (*chi tiết tại Phụ lục 5.2 – Biểu tính chi tiết tỷ lệ an toàn vốn tại QTDND Thiên Thành*).

4.2. Về khả năng chi trả

Theo số liệu báo cáo của QTDND Thiên Thành, tỷ lệ khả năng chi trả tại một số thời điểm vào các ngày cuối năm 31/12/2021, 30/12/2022, 29/12/2023 và 28/6/2024 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Ngày 31/12/2021		Ngày 30/12/2022		Ngày 29/12/2023		Ngày 28/6/2024	
	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo	Ngày làm việc tiếp theo	07 ngày làm việc tiếp theo
I. Tài sản “Có” có thể thanh toán ngay đã quy đổi theo tỷ lệ	696	7.646	9.392	9.429	6.703	6.858	7.941	8.141
II. Tài sản “Nợ” phải thanh toán ngay đã quy đổi theo tỷ lệ	543	1.116	210	778	453	565	89	98
Tỷ lệ khả năng chi trả ngày làm việc tiếp theo (%)	1,28		44,72		14,80		89,47	
Tỷ lệ khả năng chi trả 07 ngày làm việc tiếp theo (%)		6,85		12,12		12,14		83,45

Kết quả thanh tra nhận thấy QTDND Thiên Thành duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong ngày làm việc tiếp theo và trong khoảng thời gian 07 ngày làm việc tiếp theo đều lớn hơn 1, đảm bảo khả năng chi trả theo quy định. Qua xem xét báo cáo của Quỹ, nhận thấy mẫu biểu tính tỷ lệ khả năng chi trả được thực hiện theo đúng mẫu Phụ lục 4 quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư 21 và theo quy định tại Điều 6 Thông tư 32 (*chi tiết tại Phụ lục 5.3 – Biểu tính khả năng chi trả ngay và khả năng chi trả từ 02 đến 07 ngày tại QTDND Thiên Thành*).

4.3. Về tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung, dài hạn

Theo số liệu báo cáo của QTDND Thiên Thành, tỷ lệ về nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung, dài hạn của Quỹ tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021			Thời điểm 31/12/2022		
		Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch
A	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn có thời hạn còn lại trên 01 (một) năm	2.962	2.962	-	6.343	6.343	-
B	Tổng nguồn vốn trung hạn và dài hạn	3.444	3.444	-	3.569	3.569	-
C	Tổng nguồn vốn ngắn hạn	11.083	11.083	-	19.426	19.426	-
Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn = (A-B)		-482	-482	-	2.774	2.774	-

Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (tối đa 30%) = $(A-B)/C \times 100$	-4,35%	-4,35%	-	14,28%	14,28%	
---	--------	--------	---	--------	--------	--

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2023			Thời điểm 30/6/2024		
		Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thanh tra	Chênh lệch
A	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn có thời hạn còn lại trên 01 (một) năm	4.158	4.158	-	3.940	3.940	-
B	Tổng nguồn vốn trung hạn và dài hạn =	3.358	3.358	-	4.826	4.826	-
C	Tổng nguồn vốn ngắn hạn	17.240	17.240	-	13.916	13.916	-
Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn = (A-B)		800	800	-	-886	-886	-
Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn (tối đa 30%) = $(A-B)/C \times 100$		4,64%	4,64%		-6,36%	-6,36%	

Cơ cấu cho vay của QTDND Thiên Thành phần lớn là cho vay trả góp ngắn hạn dưới 12 tháng vì vậy kết quả kiểm tra nhận thấy trong thời kỳ thanh tra Quỹ luôn đảm bảo tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung, dài hạn của Quỹ theo quy định tại Điều 7 Thông tư 32 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư 21) (*chi tiết tại Phụ lục 5.4 – Biểu tính tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung dài hạn tại QTDND Thiên Thành*).

4.4. Về giới hạn cho vay

4.4.1. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng, nhóm khách hàng và người có liên quan:

Tại các thời điểm thanh tra 30/6/2024, 31/12/2023, 31/12/2022, 31/12/2021, QTDND Thiên Thành đã đảm bảo theo quy định cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% và cho vay đối với nhóm khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn tự có theo quy định tại Điều 8 Thông tư 32.

4.4.2. Các khoản cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng và người thẩm định xét duyệt cho vay của Quỹ:

(1) Qua kiểm tra sao kê tiền vay các thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022, 31/12/2023 do QTDND Thiên Thành cung cấp nhận thấy Quỹ cấp tín dụng đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Cán bộ tín dụng của Quỹ đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và khoản 1 Điều 8 Thông tư 32.

(2) Kết quả kiểm tra sao kê tiền vay nhận thấy thời điểm 31/12/2022, QTDND Thiên Thành thực hiện cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Cán bộ tín dụng của QTDND Thiên Thành với tổng mức dư nợ cấp tín dụng (đã loại trừ dư nợ cho vay cầm cố sổ tiền gửi) vượt quá 5% vốn tự có là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và khoản 1 Điều 8 Thông tư 32: “1...b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chủ tịch và thành

viên khác của HĐQT, Trưởng ban và thành viên khác của BKS, Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân;...2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này không được vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” và khoản 2 Điều 4 Thông tư 21: “6. Các giới hạn quy định tại các khoản 2, 4 và 5 Điều này không áp dụng đối với: a) Các khoản cho vay theo ủy thác của Chính phủ, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân; b) Các khoản cho vay có bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi tại chính quỹ tín dụng nhân dân”. Cụ thể: Tại thời điểm 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay thực tế đối với HĐQT, BKS, Ban điều hành, 02 cán bộ tín dụng của QTDND Thiên Thành là 388 triệu đồng (bà Võ Thị Hương Oanh – Cán bộ tín dụng có dư nợ 123 triệu đồng; bà Đặng Thị Thanh – Cán bộ tín dụng có dư nợ 265 triệu đồng), chiếm tỷ lệ 12,83% > 5% vượt tỷ lệ theo quy định.

Tuy vậy, đến thời điểm 31/12/2023 và 30/6/2024, QTDND Thiên Thành đã chủ động thu hồi các khoản cho vay vượt tỷ lệ 5% theo quy định, đưa tỷ lệ tổng dư nợ đối với các đối tượng trên/vốn tự có đảm bảo mức 5%: Tổng dư nợ cho vay thực tế đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng là 140 triệu đồng là khoản vay của bà Võ Thị Hương Oanh – Cán bộ tín dụng.

Đồng thời, qua kết quả làm việc với QTDND Thiên Thành, Quỹ báo cáo nguyên nhân thời điểm năm 2022 tổng dư nợ cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng, người thẩm định, xét duyệt cho vay vượt tỷ lệ 5% theo quy định là do trình độ nhân sự còn yếu, hiểu sai quy định là mức cho vay đối với 01 thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng, Người thẩm định, xét duyệt cho vay là 5%, Quỹ không cố tình làm sai và sau khi kiểm tra, rà soát Quỹ đã chấn chỉnh, chủ động thu hồi các khoản vay vi phạm, duy trì tổng dư nợ cho vay các đối tượng thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng, người thẩm định, xét duyệt cho vay/vốn tự có tối đa là 5% theo quy định.

4. Thanh tra hoạt động cho vay

4.1 Thực trạng tín dụng

Thực trạng dư nợ cho vay tại một số thời điểm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	So sánh					
		(1)	(2)	(3)	(4)	(4) so với (1)		(4) so với (2)		(4) so với (3)	
						Số tiền	+/- (%)	Số tiền	+/- (%)	Số tiền	+/- (%)
I. Cho vay khách hàng TCKT, cá nhân											
1	Phân theo thành viên	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Cho vay thành viên	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Cho vay ngoài thành viên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phân theo nhóm nợ	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Nợ đủ tiêu chuẩn (N1)	8.237	13.874	15.366	10.922	2.685	32,6	-2.952	-21,28	-4.444	-28,92
	- Nợ cần chú ý (N2)	71	18	37	134	63	88,73	116	644,44	97	262,16
	- Nợ dưới tiêu chuẩn (N3)	44	72	49	112	68	154,55	40	55,56	63	128,57

T T	Chỉ tiêu	31/12/202 1	31/12/202 2	31/12/202 3	30/06/202 4	So sánh					
		(1)	(2)	(3)	(4)	(4) so với (1)		(4) so với (2)		(4) so với (3)	
						Số tiền	+/- (%)	Số tiền	+/- (%)	Số tiền	+/- (%)
	- Nợ nghỉ ngừng (N4)	37	2	251	115	78	210,81	113	5.650	-136	-54,18
	- Nợ có khả năng mất vốn (N5)	51	163	-	-	-51	-100	-163	-100	-	-
	* Nợ xấu (nhóm 3-5)	132	237	300	227	95	71,97	-10	-4,22	-73	-24,33
	* Tỷ lệ nợ xấu	1,56	1,68	1,91	2,01	0	28,64	0	19,94	0	5,31
3	Phân loại nợ theo thời gian	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Cho vay ngắn hạn	4.466	6.868	9.173	6.032	1.566	35,06	-836	-12,17	-3.141	-34,24
	- Cho vay trung, dài hạn	3.974	7.261	6.530	5.251	1.277	32,13	-2.010	-27,68	-1.279	-19,59
4	Phân loại theo mục đích vay	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Đầu tư bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh doanh dịch vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Tiêu dùng	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
5	Phân theo địa bàn hoạt động	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Phường An Bình	7.353	11.564	12.870	8.602	1.249	16,99	-2.962	-25,61	-4.268	-33,16
	- Phường Bình Đa	259	555	696	806	547	211,2	251	45,23	110	15,8
	- Phường Long Bình Tân	828	2.010	2.137	1.875	1.047	126,45	-135	-6,72	-262	-12,26
6	Phân theo TSDB	8.440	14.129	15.703	11.283	2.843	33,68	-2.846	-20,14	-4.420	-28,15
	- Có Tài sản đảm bảo	3.656	5.056	6.854	4.830	1.174	32,11	-226	-4,47	-2.024	-29,53
	- Giữ sổ (không đăng ký GDBĐ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Không tài sản đảm bảo	4.784	9.073	8.849	6.453	1.669	34,89	-2.620	-28,88	-2.396	-27,08
II. Việc chấp hành các tỷ lệ an toàn về hoạt động cho vay											
1	Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng/Vốn tự có	14,3	14,5	14,28	13,4	-	-	-	-	-	-
2	Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng và người có liên quan/Vốn tự có	-	13,22	14,12	13,74	-	-	-	-	-	-
3	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	-4,36	14,27	4,63	-6,37	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: Theo số liệu báo cáo của QTDND Thiên Thành)

* Về hoạt động cho vay: Tổng dư nợ của QTDND Thiên Thành đến 30/6/2024 là 11.283 triệu đồng, so với 31/12/2023 giảm 4.420 triệu đồng, tỷ lệ giảm 28,15%. Trong đó:

- Dư nợ phân theo thành viên:

+ Dư nợ cho vay khách hàng là thành viên QTDND Thiên Thành: 11.283 triệu đồng, chiếm 100% tổng dư nợ (trong đó cho vay cầm cố Sổ tiết kiệm là 2.957,63 triệu đồng; cho vay tín chấp là 5.454,03 triệu đồng). Nợ xấu cho vay từ tín chấp (227 triệu đồng).

+ Dư nợ cho vay khách hàng ngoài thành viên QTDND Thiên Thành: không.

- Dư nợ phân theo thời gian:

- + Cho vay ngắn hạn: 6.032 triệu đồng, chiếm 53,46% tổng dư nợ;
- + Cho vay trung, dài hạn: 5.251 triệu đồng, chiếm 46,54% tổng dư nợ;

- Dư nợ phân theo mục đích cho vay:

- + Tiêu dùng: 11.283 triệu đồng, chiếm 100% tổng dư nợ.

- Dư nợ phân theo tài sản đảm bảo:

- + Có đảm bảo bằng tài sản: 2.869,92 triệu đồng, chiếm 25,44% tổng dư nợ.
- + Cầm cố Sổ tiết kiệm phát hành tại QTDND Thiên Thành: 1.960 triệu đồng, chiếm 17,37% tổng dư nợ.
- + Không có bảo đảm bằng tài sản: 6.453 triệu đồng, chiếm 57,19% tổng dư nợ.

- Dư nợ phân theo nhóm nợ:

- + Nợ nhóm 1: 10.922 triệu đồng, chiếm 96,80% tổng dư nợ;
- + Nợ nhóm 2: 134 triệu đồng, chiếm 1,19% tổng dư nợ;
- + Nợ nhóm 3: 112 triệu đồng, chiếm 0,99% tổng dư nợ;
- + Nợ nhóm 4: 115 triệu đồng, chiếm 1,02% tổng dư nợ;
- + Nợ nhóm 5: 0 triệu đồng.

*** Việc chấp hành các tỷ lệ trong hoạt động cho vay**

- Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng/vốn tự có: thời điểm 30/6/2024, dư nợ cao nhất của 01 khách hàng là 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 12,93% vốn tự có; thời điểm 31/12/2023, dư nợ cao nhất của 01 khách hàng là 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 12,98% vốn tự có; thời điểm 30/11/2022 dư nợ tối đa của 01 khách hàng là 440 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,50% vốn tự có; thời điểm 30/12/2021 dư nợ cao nhất của 01 khách hàng là 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 13,60% vốn tự có. Tỷ lệ cho vay không vượt quá 15% vốn tự có.

- Tỷ lệ cho vay tối đa 01 khách hàng và người có liên quan/vốn tự có: thời điểm 30/6/2024, dư nợ cao nhất của 01 khách hàng là 425 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 13,74% vốn tự có; thời điểm 31/12/2023, dư nợ cao nhất của 01 khách hàng là 435 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,12% vốn tự có; thời điểm 31/12/2022 dư nợ tối đa của 01 khách hàng là 400 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 13,22% vốn tự có; thời điểm 31/12/2022 không phát sinh. Tỷ lệ cho vay không vượt quá 25% vốn tự có.

- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn: thời điểm 30/6/2024, QTDND Thiên Thành không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung dài hạn; thời điểm 31/12/2023, nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung dài hạn là 800 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 4,64%; thời điểm 31/12/2022, nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung dài hạn là 2.774 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 14,28%, không vượt quá 30% tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn.

4.2. Việc chấp hành các quy định liên quan đến hoạt động cho vay.

Nhìn chung, QTDND Thiên Thành cho vay các thành viên để phát triển kinh tế gia đình, kinh doanh, tiêu dùng. Cho vay chủ yếu không có tài sản đảm bảo do đặc thù địa bàn hoạt động của Quỹ, tài sản là quyền sử dụng đất của thành viên không được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất, chỉ có giấy tờ sang nhượng vì vậy đa phần các khoản vay ở Quỹ là khoản vay không có tài sản đảm bảo, cho công nhân vay vốn thu gốc và lãi hàng tháng. Qua công tác chọn mẫu đối chiếu, xác minh thực tế khách hàng vay vốn nhận thấy một số khách hàng có hoạt động kinh doanh, buôn bán và hồ sơ vay vốn có thu thập giấy phép kinh doanh hộ gia đình tuy vậy Quỹ vẫn ưu tiên cho vay tiêu dùng, chưa mở rộng cho vay phục vụ kinh doanh cho thấy công tác thẩm định, xét cho vay của Quỹ còn hạn chế, thụ động, chưa linh hoạt lựa chọn sản phẩm vay phù hợp nhu cầu thực tế của khách hàng góp phần nâng cao hiệu quả cho vay và kiểm soát nhu cầu vay vốn, sử dụng vốn của khách hàng, hạn chế rủi ro phát sinh trong hoạt động cho vay của Quỹ.

- Kết quả thanh tra: Tiến hành kiểm tra chọn mẫu 64 hồ sơ khách hàng vay vốn với tổng dư nợ đến 30/6/2024 là 7.621 triệu đồng, chiếm 67,54% tổng dư nợ cho vay (*chi tiết tại Phụ lục 4.2-Danh sách khách hàng vay được thanh tra đính kèm*). Trong đó: (i) 53 hồ sơ nợ nhóm 1 với tổng dư nợ 7.261 triệu đồng; (ii) 05 hồ sơ nợ nhóm 2 với dư nợ 134 triệu đồng; (iii) 03 hồ sơ nợ xấu (nhóm 3) với tổng dư nợ 112 triệu đồng; (iiii) 03 hồ sơ nợ xấu (nhóm 4) với tổng dư nợ 114 triệu đồng, chiếm 51% nợ xấu.

- Vi phạm phát hiện qua thanh tra: Tổng số hồ sơ có liên quan đến các tồn tại, sai phạm gồm 39 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan là 3.707 triệu đồng, chiếm 48,64% so với dư nợ cho vay được kiểm tra (*chi tiết tại Phụ lục 4.1-Tổng hợp sai phạm về cho vay đính kèm*); các sai phạm mang tính chất phổ biến, thường xuyên lặp lại, chưa khắc phục triệt để các sai phạm về công tác thẩm định xét duyệt cho vay, về cho vay cầm cố sổ tiết kiệm đã được các đoàn thanh tra trước chấn chỉnh, thể hiện những hạn chế nhất định trong công tác điều hành, hoạt động của Ban tín dụng và năng lực của nhân viên tín dụng QTDND Thiên Thành, cụ thể như sau:

4.2.1. Về hồ sơ vay vốn:

QTDND Thiên Thành thực hiện cho vay nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn như tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn và tài liệu chứng minh nguồn trả nợ đối với 01 khách hàng Trần Thị Phiến, tổng dư nợ có liên quan 178 triệu đồng.

Việc QTDND Thiên Thành chưa yêu cầu khách hàng cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan là chưa đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Thông tư 39).

Trách nhiệm người có liên quan sai phạm: Chi tiết người có liên quan từng khoản vay được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 4.1 Biểu tổng hợp các sai phạm tại QTDND Thiên Thành.

4.2.2. Về công tác thẩm định, xét duyệt cho vay:

Công tác thẩm định và xét duyệt cho vay chưa chặt chẽ, còn sơ sài như thẩm định nguồn trả nợ của khách hàng chỉ ghi chung chung nguồn thu nhập của khách hàng. Doanh thu của phương án vay vốn cũng chỉ được Quỹ tính toán mang tính ước lượng, chưa nêu được các căn cứ để đánh giá như thu nhập trả nợ từ lương người thừa kế/người đồng vay vốn, chưa thu thập chứng từ chứng minh nguồn trả nợ nên việc đánh giá các nguồn tài chính đảm bảo cho khoản vay của khách hàng chưa đủ cơ sở xác thực. Chưa khai thác thông tin trên CIC trong kỳ kiểm tra để nắm bắt thông tin lịch sử tín dụng của khách hàng và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng, đảm bảo đủ trang trải chi phí nợ vay. Thu nhập tích lũy sau trả nợ sát với tổng số tiền trả nợ hàng tháng khi vay tại Quỹ dễ dẫn đến rủi ro liên quan đến khả năng trả nợ của khách hàng. Khách hàng và người có liên quan cùng vay tại Quỹ tuy nhiên công tác thẩm định chưa rà soát và đánh giá các khoản vay để đảm bảo tỷ lệ cho vay nhóm khách hàng có liên quan đảm bảo tỷ lệ cho vay đáp ứng theo quy định.

Cho vay bù đắp/hoàn tiền mua đất nhưng thời gian nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được tài trợ (ngày 23/9/2017) tính đến thời điểm vay (14/5/2024) đã hơn 07 năm tuy nhiên báo cáo thẩm định chưa ghi nhận và đánh giá để kiểm soát mục đích vay vốn của khách hàng.

Tổng dư nợ sai phạm đối với 36 khách hàng (41 món vay) với dư nợ đến 30/6/2024 là 3.307 triệu đồng, cụ thể: (1) Dương Công Khánh, dư nợ 343 triệu đồng; (2) Hà Mi Ly, dư nợ 50 triệu đồng; (3) Hồ Thủy An, dư nợ 50 triệu đồng; (4) Hồ Vĩnh Thanh, dư nợ 89 triệu đồng; (5) Lê Trung Thành, dư nợ 50 triệu đồng; (6) Nguyễn Thị Hà, dư nợ 50 triệu đồng; (7) Nguyễn Thị Thu Hà, dư nợ 49 triệu đồng; (8) Nguyễn Văn Đức, dư nợ 100 triệu đồng; (9) Nguyễn Văn Tâm, dư nợ 50 triệu đồng; (10) Trần Thị Kim Loan, dư nợ 299 triệu đồng; (11) Trần Thị Nhài, dư nợ 41 triệu đồng; (12) Trịnh Thị Lua, dư nợ 50 triệu đồng; (13) Trịnh Văn Hưng, dư nợ 80 triệu đồng; (14) Võ Thị Quyết, dư nợ 48 triệu đồng; (15) Vòng Vĩnh Khin, dư nợ 92 triệu đồng; (16) Dương Chí Linh, dư nợ 41 triệu đồng; (17) Dương Thị Hoài Thương, dư nợ 47 triệu đồng; (18) Đoàn Thị Châu, dư nợ 83 triệu đồng; (19) Hà Chúc Mi, dư nợ 45 triệu đồng; (20) Huỳnh Văn Kinh, dư nợ 46 triệu đồng; (21) Nguyễn Hoàng Yên, dư nợ 46 triệu đồng; (22) Nguyễn Thị Thu Trang, dư nợ 46 triệu đồng; (23) Phạm Ngọc Vũ, dư nợ 83 triệu đồng; (24) Phạm Thị Kim An, dư nợ 26 triệu đồng; (25) Phan Mậu Vi, dư nợ 178 triệu đồng; (26) Trần Quốc Tuấn, dư nợ 150 triệu đồng; (27) Trần Vũ Em, dư nợ 66 triệu đồng; (28) Vòng Thanh Kiều (02 món vay), dư nợ 112 triệu đồng; (29) Vũ Ngọc Thủy, dư nợ 31 triệu đồng; (30) Đặng Thị Thanh (05 món vay), dư nợ 490 triệu đồng; (31) Đoàn Thị Hóa, dư nợ 95 triệu đồng; (32) Trần Xuân Bình, dư nợ 163 triệu đồng; (33) Nguyễn Thị Tươi, dư nợ 53 triệu đồng; (34) Nguyễn Tiến Dũng, dư nợ 12 triệu đồng; (35) Nguyễn Thị Vân, dư nợ 37 triệu đồng; (36) Vòng A Hường, dư nợ 16,9 triệu đồng.

Việc thẩm định những khách hàng nêu trên là chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư 39.

Trách nhiệm người có liên quan sai phạm: Chi tiết người có liên quan từng khoản vay được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 4.1 Biểu tổng hợp các sai phạm tại QTDND Thiên Thành.

4.2.3. Về kiểm tra, giám sát vốn vay:

QTDND Thiên Thành có thực hiện kiểm tra, giám sát vốn vay nhưng nội dung kiểm tra, giám sát vốn vay còn sơ sài mang tính hình thức, chỉ đánh giá chung khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo nguồn trả nợ, chưa theo dõi sát sao và đánh giá chặt chẽ tài chính của khách hàng, không thu thập tài liệu, theo dõi, đánh giá lại nguồn trả nợ từ kinh doanh tại thời điểm kiểm tra (một số khách hàng suy giảm khả năng trả nợ, một số kỳ không trả nợ đúng như cam kết Hợp đồng tín dụng nhưng các biên bản kiểm tra vẫn ghi nhận khách hàng đảm bảo nguồn trả nợ, không theo dõi sát sao nguồn thu nhập của khách hàng); Biên bản kiểm tra chưa thể hiện cụ thể việc sử dụng vốn theo phương án xin vay; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn cũng như liên quan đến các nội dung được kiểm tra của khách hàng như: hình ảnh xây nhà, hợp đồng chuyển nhượng, hóa đơn hợp đồng mua bán,...bao gồm 06 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 1.024 triệu đồng.

Cụ thể: (1) Dương Công Khánh, dư nợ 343 triệu đồng; (2) Hồ Vĩnh Thanh, dư nợ 89 triệu đồng; (3) Trần Thị Kim Loan, dư nợ 299 triệu đồng; (4) Vòng Vĩnh Khին, dư nợ 92 triệu đồng; (5) Nguyễn Thị Thìn, dư nợ 23 triệu đồng; (6) Trần Thị Phiến, dư nợ 178 triệu đồng.

QTDND Thiên Thành thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay của khách hàng sau khi cho vay chưa đầy đủ đúng quy định tại Điều 24 Thông tư 39.

Trách nhiệm người có liên quan sai phạm: Chi tiết người có liên quan từng khoản vay được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 4.1 Biểu tổng hợp các sai phạm tại QTDND Thiên Thành.

2. Về sai phạm khác:

- Đối với các khoản vay cầm cố sổ tiền gửi do QTDND Thiên Thành phát hành với tổng dư nợ đến 30/6/2024 là 150 triệu đồng gồm: *Hà Chúc Mi (01 món vay); Phạm Thị Hải Yến (01 món vay)*, có thực hiện báo cáo thẩm định tuy nhiên công tác thẩm định còn mang tính hình thức, nội dung thẩm định đánh giá phương án vay vốn, nguồn trả nợ của khách hàng chưa đầy đủ, tần suất kiểm tra, giám sát vay vốn chưa thường xuyên và chưa thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng, chưa đúng theo quy định tại Điều 7, Điều 17, Điều 24 Thông tư số 39.

Trách nhiệm người có liên quan sai phạm: Chi tiết người có liên quan từng khoản vay được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 4.1 Biểu tổng hợp các sai phạm tại QTDND Thiên Thành.

3. Cảnh báo rủi ro:

- Tại thời điểm xét duyệt cho vay, khách hàng Đoàn Thị Châu đã lớn tuổi (76 tuổi), quá tuổi lao động theo quy định có thể ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong quá trình vay vốn tại Quỹ;

- Từ thực tiễn địa bàn hoạt động của Quỹ có những khó khăn, bất cập trong việc nhận tài sản đảm bảo là bất động sản của khách hàng cá nhân/hộ gia đình nên đặc thù cho vay của Quỹ chủ yếu cho vay không có tài sản đảm bảo (chiếm khoảng 60% tổng dư nợ) tuy nhiên Quỹ chưa có biện pháp quản lý hiệu quả và kiểm soát chặt chẽ các khoản vay không có tài sản đảm bảo, tần suất kiểm tra vốn vay chưa nhiều vì vậy qua hồ sơ kiểm tra nhận thấy đa phần các khoản nợ có vấn đề, các khoản nợ dùng dự phòng để xử lý rủi ro chủ yếu là khoản vay không có tài sản đảm bảo, rủi ro thiệt hại về vốn khá cao nếu khách hàng chây ì, không hợp tác trả nợ, việc xử lý thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn.

4.2.5. Kết quả chọn mẫu kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn tại QTDND Thiên Thành:

Kết quả chọn mẫu kiểm tra, xác minh thực tế 44 khách hàng vay vốn tại QTDND Thiên Thành với tổng dư nợ 6.016 triệu đồng, chiếm 78,94% tổng dư nợ kiểm tra (*Chi tiết tại Biểu số 2 - Danh sách khách hàng vay được đối chiếu, xác minh tại QTDND Thiên Thành*). Qua đối chiếu xác minh: đa số khách hàng vay vốn để tiêu dùng mua sắm đồ dùng trong gia đình, xây sửa nhà, bổ sung vốn lưu động kinh doanh ...; xác nhận việc vay vốn tại Quỹ để bản thân sử dụng, nhận đúng số tiền vay vốn ghi trên hợp đồng, sử dụng vốn theo nội dung ghi trên hợp đồng tín dụng.

PHẦN III

NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

QTDND Thiên Thành đã đạt được kết quả tương đối tốt trong các mặt hoạt động; Bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ được đảm bảo theo quy định; hoạt động của HĐQT được duy trì thường xuyên; đã có nhiều cố gắng trong công tác huy động vốn và cho vay phục vụ nhu cầu vốn của thành viên, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương; nợ xấu được kiểm soát tương đối tốt (2,01%) dưới ngưỡng cảnh báo của NHNN; Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro đúng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Quyết định 18; Tỷ lệ dư nợ cho vay/vốn huy động tương đối phù hợp với quy mô quỹ đạt tỷ lệ 71,30%; Duy trì tiền gửi an toàn vốn tại Ngân hàng Hợp tác tương đối cao. Bên cạnh những mặt đạt được, QTDND Thiên Thành còn một số sai phạm, tồn tại, hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục kịp thời trong thời gian tới để bảo đảm tuân thủ các quy định trong hoạt động. Cụ thể:

1. Về hoạt động của HĐQT, BKS, BDH:

- Nhân sự nhiệm kỳ III (2019-2023) kết thúc vào năm 2023 tuy nhiên đến tháng 03/2024 QTDND Thiên Thành mới hoàn tất thủ tục nhân sự dự kiến nhiệm kỳ IV, kéo dài thời gian nhiệm kỳ III quá 05 năm, tuy nhiên qua kết quả kiểm tra và

làm việc với Quỹ nhận thấy việc kéo dài nhân sự nhiệm kỳ hơn 05 năm là do nguyên nhân khách quan, không cố ý sai phạm, với điều kiện và cơ chế hoạt động còn khó khăn nên việc tìm kiếm, thu hút, lựa chọn nhân sự phù hợp, đủ điều kiện, tâm huyết và gắn bó lâu dài với Quỹ cũng gặp nhiều hạn chế;

- Hoạt động của BKS chưa hiệu quả, kết quả kiểm soát không phát hiện được các sai sót, tồn tại, hạn chế trong hoạt động của QTDND để có các kiến nghị đề xuất với HĐQT, Ban điều hành khắc phục, chỉnh sửa kịp thời;

- Ban điều hành còn khá nhiều tồn tại trong công tác chỉ đạo, điều hành các mặt nghiệp vụ của Quỹ, đặc biệt trong hoạt động cấp tín dụng còn xảy ra nhiều sai phạm mang tính phổ biến.

2. Về huy động tiền gửi:

- QTDND Thiên Thành ban hành các Quyết định/Thông báo mức lãi suất huy động trong từng thời kỳ chỉ quy định chung chung kỳ hạn 12 tháng trở lên áp dụng mức lãi suất thỏa thuận, không quy định khung lãi suất hoặc nguyên tắc/điều kiện thỏa thuận lãi suất....để thực hiện thống nhất việc tính lãi suất tiền gửi giữa QTDND Thiên Thành và khách hàng. Vì vậy qua kiểm tra sao kê tiền gửi thời điểm 30/6/2024 nhận thấy các sổ tiền gửi từ 12 tháng trở lên QTDND Thiên Thành áp dụng các mức lãi suất huy động không thống nhất và đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động nhận tiền gửi và thu hút nguồn tiền gửi của thành viên/khách hàng.

- Việc đăng ký mua, quản lý, kiểm kê sổ tiết kiệm trắng: Quỹ có thực hiện kiểm kê, đối chiếu sổ tiết kiệm trắng và được đóng vào Sổ kiểm kê ấn chỉ quan trọng có đầy đủ chữ ký của Thủ kho, Kế toán trưởng, Kiểm soát và Giám đốc tuy nhiên định kỳ kiểm kê vào cuối mỗi quý là chưa đúng theo quy định tại Điều 59 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNN Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021 của NHNN Việt Nam).

- QTDND Thiên Thành thực hiện chi trả lãi tiền gửi thời điểm tháng 04/2023 đến thời điểm tháng 06/2024 áp dụng mức lãi suất không kỳ hạn đối với 19 sổ tiền gửi rút trước hạn toàn bộ tiền gửi của 15 khách hàng là **1%/năm** vượt mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn theo các quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư 07 và các quyết định của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định trong từng thời kỳ đối với loại hình QTDND là **0,5%/năm**.

3. Về chấp hành các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn

QTDND Thiên Thành thực hiện cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, cán bộ tín dụng của QTDND Thiên Thành với tổng mức dư nợ cấp tín dụng (đã loại trừ dư nợ cho vay cầm cố sổ tiền gửi) vượt quá 5% vốn tự có là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và khoản 1 Điều 8 Thông tư 32 và khoản 2 Điều 4 Thông tư 21.

Tại thời điểm thanh tra, các khoản vay ưu đãi, không có tài sản đảm bảo và cho vay vượt tỷ lệ 5% vốn tự có đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, cán bộ tín dụng, QTDND Thiên Thành đã chủ động khắc phục vi phạm, thu hồi các khoản cho vay của các đối tượng trên và đến thời điểm 30/6/2024, đã chấm dứt vi phạm, các khoản cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành, Kế toán trưởng và người thẩm định xét duyệt cho vay của Quỹ tuân thủ đúng quy định tại Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Điều 8 Thông tư 32 và Điều 4 Thông tư 21.

4. Về chấp hành quy chế cho vay

- **Về hồ sơ vay vốn:** Cho khách hàng vay vốn nhưng chưa thu thập đầy đủ hồ sơ vay vốn theo đúng quy định tại Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đối với 01 hồ sơ vay vốn (01 khách hàng) với tổng dư nợ có liên quan 178 triệu đồng: Nguồn trả nợ của khách hàng như sổ sách ghi chép theo dõi việc kinh doanh, bảng kê doanh thu mua bán của khách hàng...

- **Về công tác thẩm định và xét duyệt cho vay:** QTDND Thiên Thành thẩm định và xét duyệt cho vay còn sơ sài, chưa chặt chẽ về đánh giá các nguồn tài chính đảm bảo cho khoản vay của khách hàng. Chưa khai thác thông tin trên CIC trong kỳ kiểm tra để nắm bắt thông tin lịch sử tín dụng của khách hàng và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng. Khách hàng và người có liên quan cùng vay tại Quỹ tuy nhiên công tác thẩm định chưa rà soát và đánh giá các khoản vay để đảm bảo tỷ lệ cho vay nhóm khách hàng có liên quan đảm bảo tỷ lệ cho vay đáp ứng theo quy định, định kỳ hạn trả nợ chưa hợp lý. Thẩm định chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN gồm 41 hồ sơ cho vay (36 khách hàng) với tổng dư nợ có liên quan 3.307 triệu đồng.

- **Về kiểm tra, giám sát vốn vay:** Công tác kiểm tra, giám sát vốn vay sơ sài mang tính hình thức, chỉ đánh giá chung khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo nguồn trả nợ, chưa theo dõi sát sao và đánh giá chặt chẽ tài chính của khách hàng, không thu thập tài liệu, theo dõi, đánh giá lại nguồn trả nợ từ kinh doanh tại thời điểm kiểm tra (một số khách hàng suy giảm khả năng trả nợ, một số kỳ không trả nợ đúng như cam kết Hợp đồng tín dụng nhưng các biên bản kiểm tra vẫn ghi nhận khách hàng đảm bảo nguồn trả nợ, không theo dõi sát sao nguồn thu nhập của khách hàng); Biên bản kiểm tra chưa thể hiện cụ thể việc sử dụng vốn theo phương án xin vay; Chưa thu thập đầy đủ các hồ sơ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn cũng như liên quan đến các nội dung được kiểm tra của khách hàng như: hình ảnh xây nhà, hợp đồng chuyển nhượng, hóa đơn hợp đồng mua bán,... Kiểm tra sử dụng tiền vay chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định Điều 24 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN đối với 06 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 1.024 triệu đồng.

- Về cảnh báo rủi ro:

+ Tại thời điểm xét duyệt cho vay, khách hàng Đoàn Thị Châu đã lớn tuổi (76 tuổi), quá tuổi lao động theo quy định có thể ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng trong quá trình vay vốn tại Quỹ;

+ Từ thực tiễn địa bàn hoạt động của Quỹ có những khó khăn, bất cập trong việc nhận tài sản đảm bảo là bất động sản không có tài sản đảm bảo (chiếm khoảng 60% tổng dư nợ) tuy nhiên qua kết quả chọn mẫu kiểm tra hồ sơ vay nhận thấy đa phần các khoản nợ có vấn đề, các khoản nợ dung dự phòng để xử lý rủi ro chủ yếu là khoản vay không có tài sản đảm bảo là do Quỹ chưa có biện pháp quản lý hiệu quả kiểm soát chặt chẽ các khoản vay không có tài sản đảm bảo, tần suất kiểm tra vốn vay chưa thường xuyên vì vậy rủi ro thiệt hại về vốn khá cao nếu khách hàng chây ì, không hợp tác trả nợ, việc xử lý thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn.

PHẦN IV

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Đoàn thanh tra đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 17/BB-VPHC ngày 13/8/2024 và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng số 18/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2024 đối với hành vi vi phạm hành chính thực hiện áp dụng lãi suất không kỳ hạn đối với 16 sổ tiền gửi (13 khách hàng) tất toán trước hạn toàn bộ tiền gửi vượt mức lãi suất không kỳ hạn tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và các Quyết định lãi suất do Giám đốc QTDND Thiên Thành ban hành. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền; Số tiền phạt bằng số: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Ngày 21/8/2024, QTDND Thiên Thành đã chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPVPHC ngày 15/8/2024 theo Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số seri DON612224, số Biên lai 3023162.

PHẦN V

KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Chánh thanh tra, giám sát NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai yêu cầu HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS, Giám đốc QTDND Thiên Thành tổ chức và hoạt động theo đúng quy định; rà soát toàn bộ những tồn tại, sai phạm để chấn chỉnh, khắc phục kịp thời, đồng thời thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Để hạn chế rủi ro tín dụng cũng như kiểm soát được mục đích vay vốn đối với tình hình cho vay của QTDND Thiên Thành, đề nghị HĐQT QTDND Thiên Thành cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung/ban hành mới Quy chế và Quy trình cấp tín dụng với nội dung quy định cụ thể, chặt chẽ, phù hợp với từng loại hình/sản phẩm cho vay và đặc thù địa bàn hoạt động trong đó tối thiểu phải bổ sung, hoàn thiện nội dung quy định biện pháp quản lý đối với loại hình cho vay tín chấp/không có tài sản đảm bảo, cho vay cầm cố sổ tiền gửi và đặc biệt là sản phẩm cho vay bù đắp/hoàn tiền đồng thời xem xét bổ sung quy định về giới hạn độ tuổi cho vay. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành KLT.T.

2. Yêu cầu QTDND Thiên Thành nghiêm túc tuân thủ quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động đặc biệt giới hạn cho vay đối với thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ tín dụng. Tiếp tục chấp hành

quy định về công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nguồn dự phòng tài chính đối với các khoản nợ có vấn đề, giảm thiệt hại cho Quỹ.

3. Nâng cao chất lượng thẩm định và xét duyệt cho vay; rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, sai phạm trong công tác thẩm định, xét duyệt cho vay như đã nêu tại Phần II-Kết quả kiểm tra, xác minh đối với 36 khách hàng (41 món vay) với dư nợ đến 30/6/2024 là 3.307 triệu đồng.

4. Rút kinh nghiệm, chấn chỉnh trong công tác thu thập hồ sơ vay vốn, đảm bảo hồ vay vốn phải đầy đủ, đúng quy định trước khi thẩm định, xét duyệt cho vay đối với 01 khách hàng dư nợ 178 triệu đồng. Chú trọng và nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát vốn vay, biên bản kiểm tra phải đánh giá được cụ thể tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của khách hàng nguồn trả nợ và đánh giá lại tình hình tài chính của khách hàng khi nhận thấy có dấu hiệu suy giảm; thu thập đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn đối với các 06 hồ sơ khách hàng với tổng dư nợ có liên quan 1.024 triệu đồng đã nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh. Trường hợp khách hàng không bổ sung được đầy đủ hồ sơ vay vốn, tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Thời hạn thực hiện: 03 tháng kể từ ngày ban hành kết luận thanh tra.

5. Yêu cầu QTDND Thiên Thành chấm dứt hành vi vi phạm áp dụng lãi suất vượt trần lãi suất theo quy định đối với tiền gửi tất toán trước hạn. Nghiêm túc thực hiện các quy định về công tác huy động, cụ thể: Thực hiện chi trả lãi tiền gửi không vượt mức lãi suất theo quy định của NHNN Việt Nam; Thực hiện định kỳ kiểm kê đúng theo quy định tại Điều 59 Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của NHNN Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2021/TT-NHNN ngày 24/11/2021 của NHNN Việt Nam); Giám đốc ban hành Quyết định/Thông báo mức lãi suất huy động đối với kỳ hạn gửi 12 tháng trở lên cần quy định cụ thể khung lãi suất/nguyên tắc, điều kiện thỏa thuận lãi suất...để thực hiện thống nhất việc áp dụng mức lãi suất huy động, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động nhận tiền gửi của Quỹ.

6. Yêu cầu Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ của QTDND Thiên Thành phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm trong việc kiểm soát toàn bộ quy trình, hoạt động nghiệp vụ của Quỹ để kịp thời phát hiện các tồn tại, sai phạm, đảm bảo an toàn hoạt động; Xây dựng kế hoạch chỉnh sửa, khắc phục và chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các tồn tại, sai phạm đã nêu tại Phần II-Kết quả kiểm tra, xác minh. Thời hạn xây dựng kế hoạch thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành KLTt.

7. Thực hiện kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, sai phạm được nêu tại phần kết quả kiểm tra, xác minh; đồng thời xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, rà soát toàn bộ những nội dung chưa được thanh tra, lưu ý kiểm tra công tác tín dụng, theo dõi công tác chỉnh sửa sau thanh tra nhằm phát hiện kịp thời những sai phạm để chấn chỉnh, xử lý theo quy định của pháp luật. Thời hạn thực hiện: 01 tháng kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra.

Yêu cầu QTDND Thiên Thành, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện các kiến nghị theo đúng thời hạn nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện việc chấn chỉnh sau thanh tra gửi về NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Nai định kỳ trước ngày 05 hàng tháng cho đến khi hoàn tất việc thực hiện các kiến nghị được nêu tại Kết luận thanh tra.

Kết luận thanh tra gồm 37 trang và các biểu mẫu, phụ lục do Đoàn Thanh tra lập, là một bộ phận không tách rời Kết luận thanh tra, được gửi tới các nơi nhận dưới đây. /

Nơi nhận:

- QTDND Thiên Thành (để thực hiện);
- Cơ quan TTGSNH (để báo cáo);
- Giám đốc NHNN Đồng Nai (để báo cáo);
- Phó Giám đốc Lê Xuân Hường (để báo cáo);
- TTGS Chi nhánh (để theo dõi sau thanh tra);
- Lưu: VT; TTGS; HSTTr.

Đính kèm:

- Biểu số 1, Biểu số 2.
- Phụ lục 03, Phụ lục 4.1, Phụ lục 4.2, Phụ lục 5.1, Phụ lục 5.2, Phụ lục 5.3, Phụ lục 5.4

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT**



Nguyễn Thanh Thủy

